VIỆT NGỮ - HIỆP SĨ - CẤP XII

Thiếu Nhi thực hiện hoa thiêng,
chép ghi mỗi tối cộng biên mỗi tuần.

Phong trào Thiếu Nhi Thánh Thể Việt Nam tại Pháp - Đoàn Kitô Vua - Paris

	Vần ghép từ hai hoặc ba nguyên âm							**Vần ghép từ nguyên âm và phụ âm**							
								Vần từ **nguyên âm + phụ âm mũi** (1) (consonnes nasales)				Vần thanh trắc từ **nguyên âm + phụ âm miệng** (2) (consonnes orales) chỉ đi với dấu sắc hoặc dấu nặng			
	a	**e/ê**	**i**	**y**	**o**	**ơ**	**u**	**m**	**n**	**nh**	**ng**	**c**	**ch**	**p**	**t**
a			ai	ay	ao		au	am	an	anh	ang	ac	ach	ap	at
ă								ăm	ăn		ăng	ăc		ăp	ăt
â				ây			âu	âm	ân		âng	âc		âp	ât
e					eo			em	en		eng	ec		ep	et
ê							êu	êm	ên	ênh			êch	êp	êt
i	ia						iu	im	in	inh			ich	ip	it
o	*oa*	*oe*	oi					om	on		ong	oc		op	ot
ô			ôi					ôm	ôn		ông	ôc		ôp	ôt
ơ			ơi					ơm	ơn					ơp	ơt
u	ua	*uê*	ui	*uy*		*uơ*					ung	uc		up	ut
ư	ưa		ưi				ưu	ưm	ưn		ưng	ưc			ưt
iê							iêu	iêm	iên		iêng	iêc		iêp	iêt
oa			oai	oay	oao			oam	oan	oanh	oang	oac	oach		oat
oă								oăm	oăn			oăc			oăt
oe					oeo				oen						oet
oo											oong				
uâ				uây					uân						uât
uê							uêu			uênh			uêch		
uô			uôi					uôm	uôn		uông	uôc			uôt
uy	uya						uyu			uynh			uych		uyt
uyê									uyên						uyêt
ươ			ươi				ươu	ươm	ươn		ương	ươc		ươp	ươt

(1) Phụ âm mũi - *consonnes nasales:* khi phát âm các phụ âm này, một phần không khí ra đường mũi. Nếu bịt mũi lại, sẽ phát âm không đúng các phụ âm mũi và vần có phụ âm mũi.

(2) Phụ âm răng miệng - *consonnes orales:* khi phát âm các phụ âm này, không khí hoàn toàn ra đường miệng.

- Các vần in nghiêng (oa, oe, uê, uy, uơ): **đánh dấu trên nguyên âm thứ hai** thay vì trên nguyên âm thứ nhất theo quy tắc đánh dấu trên **nguyên âm mạnh** (la voyelle diphtongue qui emporte).

Thảo luận
&
Tập làm văn

Thơ lục bát

Thằng Bờm

Thằng Bờm có cái quạt mo
Phú ông xin đổi ba bò, chín trâu
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu
Phú ông xin đổi một xâu cá mè
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đổi nắm xôi, Bờm cười

Đây là bài đồng dao mà trẻ con Việt Nam hay hát khi chăn trâu hay chơi đùa. Bài hát được truyền miệng nên chúng ta không biết tên tác giả.

Bài hát được gieo vần theo thể thơ lục bát, rất phổ biến trong ca dao và văn chương bình dân.

Đại ý :

Bài đồng dao ca ngợi sự ngây thơ của một em bé (thằng Bờm là 1 em bé có tóc để chỏm): tham ăn, thật thà không biết tính toán nhưng lại hạnh phúc vì thằng Bờm biết hài lòng với những gì nó có.

Góp ý phân tích :

Thật nực cười vì phú ông, biểu tượng (symboliser) cho sự giàu sang, đầy đủ lại phải đến thương lượng với thằng Bờm, một thằng bé còn để chỏm.

Phú ông có tất cả : trâu bò, gỗ quý, tiền bạc ... ; nhưng ông ta lại không có một vật rất tầm thường, nhưng thật hữu ích giữa trưa hè nóng nực : chiếc quạt mo của thằng Bờm.

Mo cau là vật liệu (matériau) rất dễ kiếm ở thôn quê, nên cái quạt mo không có giá trị gì. Cái quạt mo tuy không có giá trị (sans valeur) nhưng lại mang đến sự mát mẻ, khoái lạc giữa trưa hè nóng bức cho người đang có nó.

Cái quạt mo không có giá trị nhưng phú ông hiện không có nó, điều này khơi dậy lòng ham muốn của phú ông vì thế cái quạt mo trở nên vô giá (sans prix) đối với phú ông.

Thơ lục bát là một thể thơ Việt Nam có câu đầu gồm sáu tiếng và câu tiếp theo tám tiếng, số câu không giới hạn nhưng cuối bài thơ phải kết thúc bằng câu 8.

Cách gieo vần:

Tiếng cuối của câu 6 vần với tiếng thứ sáu của câu 8,
Tiếng cuối của câu 8 vần với tiếng cuối của câu 6 tiếp theo.

Luật bằng trắc :

Luật bằng trắc là những quy định về cách sử dụng tiếng thuộc thanh bằng hay thanh trắc trong thơ lục bát.

Thanh bằng là những tiếng không dấu hoặc có dấu huyền.
Thanh trắc là những tiếng có mang dấu sắc, hỏi, ngã, nặng.

Trong thơ lục bát, luật bằng trắc được áp dụng như sau:

- câu 6 : bằng **bằng** trắc **trắc** bằng **bằng**
- câu 8 : bằng **bằng** trắc **trắc** bằng **bằng** trắc **bằng**

Ngoại lệ:

Luật bằng trắc chỉ bắt buộc phải giữ khi áp dụng cho các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu (các tiếng mang số chẵn trong câu), còn các tiếng thứ nhất, thứ ba, thứ năm có thể dùng bằng hay trắc cũng được.

Bài tập:

Em hãy làm tiếp bài thơ lục bát :

Thằng Bờm có cái quạt mo …

Chân dung Thuý Kiều

(trích *Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du)

Câu 15. Đầu lòng hai ả tố nga,
Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười ;
Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
Hoa cười, ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn :
Làn thu thuỷ, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

Giải nghĩa :

15. Tố nga : ám chỉ người con gái đẹp, như Hằng Nga ở cung trăng.
17. Người có vẻ của mai, người có vẻ của tuyết. Vẻ nào cũng toàn vẹn.
20. Khuôn trăng : khuôn mặt. Nét ngài : nét lông mày đẹp, cong như râu của con ngài (con bướm tằm)
21. hoa cười : miệng cười tươi như hoa nở. thốt : nói. Ngọc thốt : giọng nói trong như tiếng ngọc chạm vào nhau.
25. Thu thuỷ : nước mùa thu. Xuân sơn: núi mùa xuân. Ý nói mắt Thuý Kiều trong sáng như nước mùa thu và lông mày "xanh" mượt mà như núi mùa xuân.

Tiếng hồ cầm của Thuý Kiều

Câu 481. Trong như tiếng hạc bay qua
Đục như tiếng suối mới sa nửa vời
Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,
Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

Giải nghĩa:

- Hồ cầm : đàn tỳ bà
- Trong : giọng bổng
- Hạc : một loài chim cẳng dài, cánh lớn, có khả năng bay cao và êm
- Đục : giọng trầm
- Khoan : chậm
- Mau : nhanh

Tiểu sử Nguyễn Du (1765-1820)*(phỏng theo wikipédia)*

Nguyễn Du : tự là **Tố Như**, hiệu **Thanh Hiên**, biệt hiệu **Hồng Sơn lạp hộ**, ngưi làng Tiên Điền, tỉnh Hà Tĩnh (miền trung), làm quan dưới thời Lê mạt - Nguyễn sơ. Ông là một nhà thơ lớn của Việt Nam, được người Việt kính trọng gọi ông là "Đại thi hào dân tộc". Năm 1965, Nguyễn Du được Hội đồng hòa bình thế giới công nhận là danh nhân văn hóa thế giới và ra quyết định kỷ niệm trọng thể nhân dịp 200 năm năm sinh của ông

Tác **phẩm Đoạn trường tân thanh** (hoặc **truyện Kiều**):
Đoạn trường tân thanh (Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột). Tên phổ biến là Truyện Kiều, được viết bằng chữ Nôm, gồm 3 254 câu thơ theo thể lục bát. Nội dung của truyện dựa theo tác phẩm Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Quốc. Nội dung chính của truyện xoay quanh quãng đời lưu lạc sau khi bán mình chuộc cha của Thuý Kiều, nhân vật chính trong truyện, một cô gái có tài sắc nhưng vận mệnh nổi trôi.

<u>Nhận xét:</u>

Tác phẩm truyện Kiều, rất giá trị về nghệ thuật và ngôn ngữ (thể thơ lục bát đặc trưng cho văn chương Việt Nam), không những được người Việt yêu chuộng, mà còn được trích dịch ra nhiều thứ tiếng : pháp, hoa, đức, nhật…

Nội dung của Truyện Kiều có phần uỷ mị, bi quan, không hợp với tinh thần Kitô giáo nhưng tác phẩm đã phản ảnh được xã hội phong kiến thời xưa: trọng nam, khinh nữ. Người đàn bà dù có tài cũng không được ưu đãi.

Bìa sách, viết bằng chữ nôm:
"Thuý Kiều truyện tường chú"
(翠翹傳詳注)

Rừng mắm

Trích RỪNG MẮM (phần một)

Bờ biển thoải dốc xuống, trông rừng cây lạ ấy như một đạo binh xuống núi, tuông tràn từ trên cao xuống mé biển ngoài xa.
Xa, xa lắm, có những cây mọc lẻ tẻ như những tên lính xung phong mau bước tiến tới để hãm thành lập công.

- Nhìn xuống gốc cây ! Ông nội bảo.

Nước chưa lớn hẳn, để lộ bùn đen dưới gốc cây ra. Bùn đen từng nơi lại trắng xóa những đóa hoa năm cánh, hai màu đối chọi trông rất đẹp.

- Cây gì mà lạ vậy ông nội ? Trổ bông ngay dưới gốc ?
- Bông trổ trên đầu những cái rễ ăn lên mà người ta gọi là rễ gió. Cây nầy là cây mắm, đây là rừng mắm đây.
- Cây mắm ? Sao tui không nghe nói đến cây ấy bao giờ ?
- Con không nghe, vì cây ấy không dùng được để làm gì cả, cho đến làm củi chụm cũng không được.
- Vậy chứ trời sanh nó ra làm chi mà vô ích dữ vậy ông nội, lại sanh hằng hà sa số như là cỏ ấy.
- Bờ biển này mỗi năm được phù sa bồi thêm cho rộng ra hằng mấy ngàn thước. Phù sa là đất bùn mềm lủng và không bao giờ thành đất thịt được để ta hưởng, nếu không có rừng mắm mọc trên đó cho chắc đất. Một mai kia mắm sẽ ngã rạp. Giống tràm lại nối ngôi nó. Rồi sau mấy đời tràm, đất thuần, cây ăn trái mới mọc được.

Bình Nguyên Lộc

Giải thích :

- tui = tôi (tiếng địa phương)
- sanh = sinh
- thoải dốc : hơi dốc, không bằng phẳng
- đạo binh : một nhóm binh lính
- xung phong : tình nguyện, tự ý muốn làm
- đối chọi : chống cự.
- hằng hà sa số : rất nhiều, không thể đếm được.
- phù sa : đất bồi, gồm đất bùn và cát với rất nhiều khoáng chất.

Câu hỏi:

1- Hai nhân vật trong bài có liên quan với nhau như thếnào ?
2- Cây mắm được tả ra sao ?
3- Kể tên một loại cây khác được nói đến trong bài.

Trích RỪNG MẮM (phần hai)

Thấy thằng cháu nội ngơ ngác chưa hiểu, ông cụ vịn vai nó mà tiếp :

- Ông với lại tía con là cây mắm, chơn giẫm trong bùn. Đời con là đời tràm, chơn vẫn còn lấm bùn chút ít, nhưng đất đã gần thuần rồi. Con cháu của con sẽ là xoài, mít, dừa, cau. Đời mắm tuy vô ích nhưng không uổng, như là lính ngoài mặt trận vậy mà. Họ ngã gục cho kẻ khác là con cháu họ hưởng. Con, con sắp được hưởng rồi, sao lại muốn bỏ mà đi. Vả lại con không thích hy sanh chút ít cho con cháu của con được hưởng sao ?

Thằng Cộc nhìn ông nội nó và thương không biết bao nhiêu, ông già đã bỏ mồ, bỏ mả ông cha để hì hục năm năm trong đồng chua, nước mặn ở Ô Heo.
Phải, cứ theo dự đoán của gia đình thì nó sắp được hưởng tuy không nhiều, mà rồi sẽ nhiều.
Nó nắm chặt tay ông nội nó và thấy ông nội nó giỏi quá. Ông có biết chữ nho kia mà.

- Ông ôi, nó than, nhưng tràm buồn quá !
- Tràm sẽ khỏi buồn nữa. Năm tới, đất thuần, ta làm ba mươi công, và sẽ gọi dân cấy gặt ở xa tới để phụ lực. Rồi tía con sẽ cưới vợ cho con, rồi thiên hạ sẽ bắt chước tràn tới đây mà phá rừng, vùng Ô Heo sẽ sầm uất, vui biết bao nhiêu.
- Tràm hết buồn vì sẽ đẻ ra cau, dừa, xoài, quít đầy nhà, nước sẽ ngọt một khi đất đã thuần...Và sẽ có chè ăn ?

Ông nội cười ha hả mà rằng :

- Gì chớ chè thì sẽ có lu bù.

Bình Nguyên Lộc

Giải thích :

- Tía: cha, ba, bố
- Chơn = chân
- Hy sanh = hi sinh
- Chớ = chứ
- Chữ nho = chữ hán, chữ tàu
- Sầm uất = trù phú, đông người, buôn bán nhộn nhịp
- Đất thuần: đất đã được bồi lâu ngày, trở thành đất thịt, đất có thể trồng cây được
- Làm hì hục: làm hoài, không ngưng nghỉ
- Có lu bù: có nhiều và có thường xuyên
- Phụ lực: giúp sức
- Thiên hạ: những người khác

Câu hỏi:

Sau khi đã học phần một và phần hai của bài này, em suy nghĩ và trả lời các câu hỏi sau:

1- Gia đình của Cộc ở đâu?
2- Cộc buồn hay vui? Tại sao?
3- Theo ông nội, khi nào Cộc sẽ có niềm vui?
4- Niềm vui của Cộc sẽ được mang đến từ những hình ảnh nào trong bài?
5- Niềm vui của ông nội là gì?
5- Em nghĩ sao về hai câu tục ngữ sau đây:
    a- Tấc đất, tấc vàng.
    b- Mười năm trồng cây, trăm năm trồng người.

Con ruồi

Nguyễn Nhật Ánh

Con ruồi nhỏ, nhỏ xíu, vậy mà cái nhỏ xíu đó đôi khi lại là nguyên nhân của những việc tày đình. Rất có thể hai vợ chồng đâm đơn ra tòa ly dị nhau chỉ bởi một con ruồi. Ai mà lường trước được những việc thần kỳ đó!

Tôi ốm. Điều đó vẫn thỉnh thoảng xảy ra cho những người khỏe mạnh. Và vợ tôi pha cho tôi một ly sữa. Tôi nốc một hơi cạn đến nửa ly và phát hiện ra trong ly có một con ruồi. Con ruồi đen bập bềnh trong ly sữa trắng, "đẹp" kinh khủng!

Thế là mọi chuyện bắt đầu.

Tôi vốn rất kỵ ruồi, cũng như gián, chuột, nói chung là kỵ tất thảy các thứ dơ bẩn đó. Tôi đang nằm mà nghe tiếng chuột bò sột soạt trong bếp là tôi không tài nào nhắm mắt được. Thế nào tôi cũng vùng dậy lùng sục, đuổi đánh cho kỳ được. Bằng không, thì cứ gọi là thức trắng đêm.

Vậy mà bây giờ, một trong những thứ tôi sợ nhất lại nhảy tót vào ly sữa tôi đang uống, và đã uống, nói trắng ra là nhảy tót vào mồm tôi. Biết đâu ngoài con ruồi chết tiệt trong ly kia, tôi lại chẳng đã nuốt một con khác vào bụng. Mới nghĩ đến đó, tôi đã phát nôn.

Thấy tôi khạc nhổ luôn mồm, vợ tôi bước lại, lo lắng hỏi:

- Sao vậy anh?

Tôi hất đầu về phía ly sữa đặt trên bàn:

- Có người chết trôi kia kìa!

Vợ tôi cầm ly sữa lên:

- Chết rồi! ở đâu ra vậy cà?

- Còn ở đâu ra nữa? Ố! Tôi nhấm nhẳng: Ố! Chứ không phải em nhặt con ruồi bỏ vào ly cho anh à?

Vợ tôi nhăn mặt:

- Anh đừng có nói oan cho em! Chắc là nó mới sa vào!

- Hứ, mới sa hay sa từ hồi nào, có trời mà biết?

Vì tôi đang ốm nên vợ tôi không muốn cãi cọ, cô ta nhận lỗi:

- Chắc là do em bất cẩn. Thôi để em pha cho anh ly khác.

Tôi vẫn chưa nguôi giận:

- Em có pha ly khác thì anh cũng đã nuốt con ruồi vào bụng rồi.

Vợ tôi trố mắt:

- Nó còn trong ly kia mà!

- Nhưng mà có tới hai con lận. Anh uống một con rồi.

- Anh thấy, sao anh còn uống?
- Ai mà thấy!
- Không thấy sao anh biết có hai con?

Tôi tặc lưỡi:

- Sao lại không biết? Uống vô khỏi cổ họng, nghe nó cộm cộm là biết liền.

Vợ tôi bán tín bán nghi. Nhưng vì tôi đang ốm, một lần nữa cô ta sẵn sàng nhận khuyết điểm:

- Thôi, lỗi là do em bất cẩn! Để em…

Tôi là tôi chúa ghét cái kiểu nhận lỗi dễ dàng như vậy.

Do đó, tôi nóng nảy cắt ngang:

- Hừ, bất cẩn, bất cẩn! Sao mà em cứ bất cẩn cả đời vậy?

Vợ tôi giật mình:

- Anh bảo sao? Em làm gì mà anh gọi là bất cẩn cả đời?
- Chứ không phải sao?
- Không phải!

A, còn bướng bỉnh! Tôi nheo mắt:

- Chứ hôm trước ai ủi cháy cái quần của anh?
- Thì có làm phải có sai sót chứ! Anh giỏi sao anh chẳng ủi lấy mà cứ đùn cho em?
- Ái chà chà, cô nói với chồng cô bằng cái giọng như thế hả? Cô nói với người ốm như thế hả? Cô bảo tôi lười chảy thây chứ gì? Cô so sánh tôi với khúc gỗ phải không? Ái chà chà…

Thấy tôi kết tội ghê quá, vợ tôi hoang mang:

- Em đâu có nói vậy!
- Không nói thì cũng như nói! Cô tưởng cô giỏi lắm phỏng? Thế tháng vừa rồi ai làm cháy một lúc hai cái bóng đèn, tháng trước nữa ai phơi quần áo bị đánh cắp mà không hay? Cô trả lời xem!

Vợ tôi nhún vai:

- Anh lôi những chuyện cổ tích ấy ra làm gì? Hừ, anh làm như anh không bất cẩn bao giờ vậy? Anh có muốn tôi kể ra không? Tháng trước ai mở vòi nước quên tắt để cho nước chảy ngập nhà? Anh hay tôi? Rồi trước đó nữa, ai làm mất chìa khóa tủ, phải cạy tủ ra mới lấy được đồ đạc?

Tôi khoát tay:

- Nhưng đó là chuyện nhỏ nhặt! Còn cô, năm ngoái cô lấy mấy ngàn bạc cho bạn bè mượn bị nó gạt mất, sao cô không kể luôn ra?
- Chứ còn anh, sao anh không kể chuyện anh đi coi bóng đá bị mất xe đạp? Rồi năm ngoái, ai nhậu xỉn bị lột mất đồng hồ?

Cứ như thế, như có ma quỷ xui khiến, hai vợ chồng thi nhau lôi tuột những chuyện đời xửa đời xưa của nhau ra và thay nhau lên án đối phương, không làm sao dừng lại được. Tôi quên phắt là tôi đang ốm. Vợ tôi cũng vậy. Chúng tôi mải mê vận dụng trí nhớ vào việc lùng sục những khuyết điểm từng từng lớp lớp của nhau. Và thật lạ lùng, có những chuyện tưởng đã chìm lấp từ lâu dưới lớp bụi thời gian, tưởng không tài nào nhớ nổi, thế mà bây giờ chúng lại hiện về rõ mồn một và chen nhau tuôn ra cửa miệng. Từ việc tôi ngủ quên tắt ra-dô đến việc vợ tôi mua phải cá ươn, từ việc tôi bỏ đi chơi ba ngày liền không về nhà đến việc vợ tôi đi dự sinh nhật bạn đến mười hai giờ khuya, v.v…và v.v… chúng tôi thẳng tay quậy đục ngầu quá khứ của nhau và vẽ lên trước mặt mình một bức tranh khủng khiếp về đối tượng.

Trời ơi! Thế mà trước nay tôi vẫn sống chung với con người tệ hại đó! Thật chẳng thể tưởng tượng nổi! Tôi cay đắng nhủ thầm và bùng dậy quyết tâm phá vỡ cuộc sống đen tối đó. Tôi đập tay xuống bàn, kết thúc cuộc tranh cãi:

- Thôi, tra khảo hành hạ nhau thế đủ rồi! Tóm lại là tôi hiểu rằng tôi không thể sống chung với cô được nữa. Tôi ngán tới tận cổ rồi!

Vợ tôi lạnh lùng:

- Tùy anh!

Câu đáp cộc lốc của vợ không khác gì dầu đổ vào lửa. Tôi nghiến răng:

- Được rồi! Cô chờ đấy! Tôi làm đơn xin ly hôn ngay bây giờ.

Tôi lập tức ngồi vào bàn và bắt đầu viết đơn. Ngòi bút chạy nhoáng nhoáng trên giấy với tốc độ 100km/giờ. Viết và ký tên mình xong, tôi đẩy tờ đơn đến trước mặt vợ. Cô ta cầm bút ký rẹt một cái, thậm chí không thèm liếc qua xem tờ đơn viết những gì.

Thế là xong! Tôi tặc lưỡi và thở ra, không hiểu là thở phào hay thở dài. Cuộc đời cứ như xi-nê-ma, nhưng biết làm thế nào được?

Ký tên xong, vợ tôi đứng lên và cầm lấy ly sữa.

- Cô định làm gì đấy?

- Đem đổ đi chứ làm gì?

- Không được, để ly sữa đấy cho tôi! Tôi phải vớt con ruồi ra, gói lại, đem đến tòa án làm bằng cớ.

Đặt ly sữa xuống bàn, vợ tôi lẳng lặng đi vào phòng ngủ, đóng sập cửa lại. Trong khi đó, tôi hùng hục lấy muỗng vớt con ruồi ra.

Tôi ngắm con ruồi nằm bẹp dí trên đầu muỗng và có cảm giác là lạ. Tôi đưa con ruồi lên sát mắt, lấy tay khảy nhẹ và điếng hồn nhận ra đó là một **mẩu lá trà**.

* * *

Bài làm chung

1. Đọc và tìm hiểu sơ bộ

1.1 Cho biết đại ý của câu chuyện
1.2 Bối cảnh và các nhân vật

2. Đọc và tìm hiểu kĩ hơn
2.1 Định nghĩa những từ chưa rõ nghĩa
2.2 Giải nghĩa những câu văn và cách hành văn khó hiểu
2.3 Phân bài thành 4 phần sao cho hợp lí (giải thích)
2.4 Từng nhóm 2/3 người đọc từng phần

Câu hỏi gợi ý làm việc cho từng phần :

- *Cách sinh hoạt của 2 nhân vật trong truyện cho thấy tương quan của họ ra sao ?*
- *Có thể dự đoán thế nào về tuổi tác của các nhân vật.*
- *Mô tả tính cách của các nhân vật trong truyện.*
- *Phân tích biến chuyển của cách xưng hô giữa các nhân vật theo tình huống.*

Bài làm riêng

1. *Tập viết văn (ở nhà): Hãy thử viết thêm phần kết cho truyện "Con ruồi".*
2. *Tự lượng : Đọc bản dịch sang tiếng Pháp để ý thức điều mình hiểu có hoàn toàn đúng hay không. Nếu chưa hoàn toàn thì đúng đến độ nào.*

La mouche

Nguyễn Nhật Ánh

Une mouche, cet insecte minuscule, peut devenir une pomme de discorde. Deux époux iraient même jusqu'au divorce à cause de cette petite bête insignifiante. Qui croirait à une histoire aussi abracadabrante ?

J'étais malade. Cela peut arriver à tout le monde. Ma femme m'avait préparé un verre de lait. D'une traite, j'en bus la moitié, quand je vis une mouche surnager. Ce point noir tranchait sur la blancheur du liquide. Quel « beau » contraste !

Ainsi commencent les histoires.

Depuis toujours, j'ai horreur des mouches, des cafards et des rats, bref, de toutes ces bêtes sales. La nuit, je ne peux pas trouver le sommeil quand j'entends des souris s'affairer dans la cuisine. Je dois alors sauter de mon lit et chercher à tout prix à les en chasser, de peur de ne pas fermer l'œil de la nuit.

Et voilà qu'une des plus répugnantes de ces bestioles flottait, là, dans mon verre de lait. Peut-être devrais-je même en avaler une ! L'idée eut à peine effleuré mon esprit que je me mis à vomir.

M'entendant cracher bruyamment, ma femme, inquiète, accourut :

- Qu'est-ce que tu as chéri ?

Je fis un signe de tête en direction du verre posé sur la table :

- Regarde, un noyé, ici !

Ma femme s'empara du verre de lait :

- Oh zut ! D'où sort cette horreur ?

- D'où veux-tu que ça vienne ? C'est toi qui l'as mise !

Elle fit une grimace :

- Mais, qu'est-ce que tu racontes ? Elle vient peut-être juste d'y tomber !

- Hum, Dieu seul sait depuis quand !

Devant mon piteux état, elle se garda de chicaner et reconnut aussitôt ses torts.

- Bon, c'est certainement de ma faute, par mégarde, chéri ! Je vais te préparer un autre verre de lait, d'accord ?

Mais ma colère n'était pas pour autant apaisée.

- Même si tu m'en donnes un autre verre, ça n'empêche que j'ai déjà avalé une mouche !

Stupéfaite, elle écarquilla les yeux :

- Mais la bestiole est encore là !

- En effet, il y en avait deux, et j'en ai avalé une !

- Mais puisque tu l'avais vue, pourquoi l'as-tu avalée ?

- Qui pouvait la voir ?

- Alors comment sais-tu qu'il y en avait deux ?

Je clappai de la langue :

- Parce que je l'ai sentie remuer, dès la première gorgée.

Elle n'était guère convaincue, mais comme je n'étais pas bien, elle était prête à reconnaître ses torts.

- Bon, j'ai été négligente, je vais...

Piqué au vif par son empressement à reconnaître trop facilement sa faute, je lui coupai la parole :

- Quelle négligence ! Tu ne fais jamais attention à rien dans la vie.

A ces mots, elle sursauta :

- Quoi ? Qu'est-ce que j'ai fait pour mériter un tel proche ?

- C'est ça, fais semblant de ne pas comprendre !

- Non, pas du tout !

- Ah ! En plus, on est têtue !

Je fronçai les sourcils :

- Hier, qui a brûlé mon pantalon en le repassant ?

- Il n'y a que ceux qui ne travaillent pas qui ne se trompent jamais. Dis donc, si tu te crois doué, pourquoi ne repasses-tu pas toi-même tes vêtements ?

- Oh, tu te permets de parler sur ce ton à ton mari patraque ? Tu m'as déjà accusé d'être un propre-à-rien, une chiffe molle ! Oh la la !

Sous le feu de mes reproches, elle se radoucit :

- Non, je n'ai pas dit ça.

- Peu importe ! Tu te crois futée, toi aussi ? Le mois dernier, qui a fait griller en même temps deux ampoules ? Et le mois d'avant, qui a laissé chaparder les vêtements qui séchaient sur le fil ? Dis voir !

Elle haussa les épaules.

- A quoi bon ressortir ces vieilles histoires ? Tu crois que toi, tu n'as jamais été distrait ? Veux-tu que je te rafraîchisse la mémoire ? L'autre jour, qui a oublié de fermer le robinet, inondant ainsi toute la maison ? Qui a perdu la clé de l'armoire, qu'on a dû forcer pour y prendre des vêtements ?

D'un geste de la main, je rétorquai :

- Ce ne sont que des vétilles ! L'année dernière, tu t'es fait gruger de quelques milliers de dôngs par tes copines, non ? T'en es pas fière, hein ?

- Et toi, tu t'es fait voler ton vélo lors d'un match de football. Et l'année dernière, on a chipé ta montre pendant que tu faisais la fête avec tes copains. Si c'est pas vrai, dis-le !

Comme possédé par un esprit malveillant, chacun rivalisait sans arrêt avec l'autre, pour exhumer les histoires du passé et s'accuser mutuellement, jusqu'à oublier que nous étions souffrants. Nous mettions toute notre énergie dans cette escalade de dénonciations de nos points faibles. Etrangement, les histoires que j'aurais cru ensevelies sous la poussière du temps nous revenaient nettement à l'esprit et se matérialisaient en reproches : j'aurais oublié d'éteindre la radio, ma femme aurait acheté du poisson avarié, j'aurais fait une fugue de trois jours, elle serait rentrée à minuit après l'anniversaire d'une amie... Nous puissions l'un et l'autre dans la boue de nos erreurs pour dépeindre de terrifiants portraits.

Oh ciel ! Dire que j'ai pu vivre jusqu'à présent avec ce médiocre personnage. Inimaginable ! Amer, je résolus de rompre définitivement avec cette sombre existence. En guise de conclusion, je frappai violemment sur la table :

- Assez de cette torture ! Bref, on doit divorcer. J'en ai assez de toi.

- Comme tu veux ! répondit-elle d'une voix glaciale.

Son aplomb ne fit que jeter de l'huile sur le feu de ma colère. Je serrai les dents :

- Bien ! Tu vas être exaucée. Je rédige la lettre de divorce.

Je me suis mis à écrire. Ma plume courait à cent à l'heure. La lettre achevée, je la signai et la tendis à ma femme qui la signa à son tour sans daigner prendre connaissance de son contenu.

C' est fini ! Je clappai de la langue et poussai un soupir de désespoir. Quelle comédie, la vie !

Après avoir signé la lettre, ma femme se leva d'un bond et saisit le verre de lait.

- Qu'est-ce que tu fais là ?

- Je vais le jeter !

- Non ! Laisse ! La mouche me servira de pièce à conviction au tribunal.

Sans mot dire, ma femme reposa le verre de lait sur la table, se dirigea vers la chambre à coucher et claqua la porte. Quant à moi, pendant ce temps, je m'évertuais à repêcher la mouche et fus soudain intrigué en observant la bestiole aplatie au bout de la cuillère. Je l'approchai de mes yeux, la touchai légèrement, et me rendis compte avec stupeur que c'était une simple **feuille de thé**...

ANH PHẢI SỐNG

Khái Hưng

Trên đê Yên Phụ, một buổi chiều mùa hạ.

Nước sông Nhị Hà mới bắt đầu lên to, cuồn cuộn chảy, tưởng muốn lôi phăng cái cù lao ở giữa sông đi.

Theo dòng nước đỏ lờ lờ, những thân cây, những cành khô trôi từ rừng về, nổi lềnh bềnh, như một dẫy thuyền nhỏ liên tiếp chạy thực nhanh tới một nơi không bờ không bến.

Đứng trên đê, bác phó nề Thức đưa mắt trông theo những khúc gỗ ấy tỏ ra ý thèm muốn, rồi quay lại, đăm đăm nhìn vợ, hỏi thầm ý kiến. Người vợ, ngắm sông, ngắm trời, lắc đầu thở dài, nói:

– Gió to quá, mà đám mây đen kia ở chân giời đùn lên mau lắm. Mưa đến nơi mất, mình ạ!

Người chồng cũng thở dài, đi lững thững. Rồi bỗng đứng dừng lại, hỏi vợ:

– Mình đã thổi cơm chưa?

Vợ buồn rầu đáp:

– Đã. Nhưng chỉ đủ cơm cho hai con ăn bữa chiều hôm nay.

Hai vợ chồng lại im lặng nhìn nhau... Rồi hình như cùng bị một vật, một định kiến nó thôi miên, nó kiềm áp, hai người đều quay lại phía sông: Những thân cây vẫn phăng phăng trôi giữa dòng nước đỏ.

Chồng mỉm cười, cái cười vơ vẩn, bảo vợ:

– Liều!

Vợ lắc đầu, không nói. Chồng hỏi:

– Mình đã đến nhà bà Ký chưa?

– Đã.

– Thế nào?

– Không ăn thua. Bà ấy bảo có đem củi vớt đến, bà ấy mới giao tiền. Bà ấy không cho vay trước.

– Thế à?

Hai chữ “thế à” rắn rỏi như hai nhát bay cuối cùng gõ xuống viên gạch đặt trên bức tường đương xây. Thức quả quyết sắp thi hành một việc phi thường, quay lại bảo vợ:

– Này! Mình về nhà, trông coi thằng Bò.

– Đã có cái Nhớn, cái Bé chơi với nó rồi.

– Nhưng mình về thì vẫn hơn. Cái Nhớn nó mới lên năm, nó trông nom sao nổi hai em nó.

– Vậy thì tôi về... Nhưng mình cũng về, chứ đứng đây làm gì?

– Được, cứ về trước đi, tôi về sau.

Vợ Thức ngoan ngoãn, về làng Yên Phụ.

ooOoo

Tới nhà, gian nhà lụp xụp, ẩm thấp, tối tăm, chị phó Thức đứng dừng lại ở ngưỡng cửa, ngắm cái cảnh nghèo khó mà đau lòng.

Lúc nhúc trên phản gỗ không chiếu, ba đứa con đương cùng khóc lóc gọi bu. Thằng Bò kêu gào đòi bú. Từ trưa đến giờ, nó chưa được tí gì vào bụng.

Cái Nhớn dỗ em không nín cũng mếu máo, luôn mồm bảo cái Bé:

– Mày đi tìm bu về để cho em nó bú.

Nhưng cái Bé không chịu đi, nằm lăn ra phản vừa chửi vừa kêu.

Chị phó Thức chạy vội lại ẵm con, nói nựng:

– Nao ôi! Tôi đi mãi để con tôi đói, con tôi khóc.

Rồi chị ngồi xuống phản cho con bú. Song thằng Bò, ý chừng bú mãi không thấy sữa, nên mồm nó lại nhả vú mẹ nó ra mà gào khóc to hơn trước.

Chị Thức thở dài, hai giọt lệ long lanh trong cặp mắt đen quầng. Chị đứng dậy, vừa đi vừa hát ru con. Rồi lại nói nựng:

– Nao ôi! Tôi chả có gì ăn, hết cả sữa cho con tôi bú!

Một lúc, thằng bé vì mệt quá lặng thiếp đi. Hai đứa chị, người mẹ đã đuổi ra đường chơi để được yên tĩnh cho em chúng nó ngủ.

Chị Thức lẳng lặng ngồi ôn lại cuộc đời đã qua. Bộ óc chất phác của chị nhà quê giản dị, không từng biết tưởng tượng, không từng biết xếp đặt trí nhớ cho có thứ tự. Những điều chị nhớ lại chen chúc nhau hỗn độn hiện ra như những hình người vật trên một tấm ảnh chụp. Một điều chắc chắn, chị ta nhớ một cách rành mạch, là chưa bao giờ được thư nhàn, được hưởng chút sung sướng thư nhàn như những người giàu có.

Năm mười hai, mười ba, cái đĩ Lạc, tên tục chị phó Thức, xuất thân làm phu hồ. Cái đời chị, nào có chi lạ. Ngày lại ngày, tháng lại tháng, năm lại năm...

Năm chị mười bảy, một lần cùng anh phó Thức cùng làm một nơi, chị làm phu hồ, anh phó ngõa. Câu nói đùa đi, câu nói đùa lại, rồi hai người yêu nhau, rồi hai người lấy nhau.

Năm năm ròng, trong gian nhà lụp xụp ẩm thấp, tối tăm ở chân đê Yên Phụ, không có một sự gì êm đềm đáng ghi chép về hai cái đời trống rỗng của hai người khốn nạn, càng khốn nạn khi họ đã đẻ luôn ba năm ba đứa con.

Lại thêm gặp buổi khó khăn, việc ít công hạ, khiến hai vợ chồng loay hoay, chằn vặt suốt ngày này sang ngày khác vẫn không đủ nuôi thân, nuôi con.

Bỗng mùa nước năm ngoái, bác phó Thức nghĩ ra được một cách sinh nhai mới. Bác vay tiền mua một chiếc thuyền nan, rồi hai vợ chồng ngày ngày chở ra giữa dòng sông vớt củi. Hai tháng sau, bác trả xong nợ, lại kiếm được tiền ăn tiêu thừa thãi.

Vì thế năm nay túng đói, vợ chồng bác chỉ mong chóng tới ngày có nước to.

Thì hôm qua, cái ăn, trời đã bắt đầu đưa đến cho gia đình nhà bác.

Nghĩ đến đó, Lạc mỉm cười, se sẽ đặt con nằm yên trên cái tã, rồi rón bước ra ngoài, lên đê, hình như quả quyết làm một việc gì.

ooOoo

Ra tới đê, Lạc không thấy chồng đâu.

Gió vẫn to, vù vù, gầm hét dữ dội và nước vẫn mạnh, réo ầm ầm chảy nhanh như thác. Lạc ngước mắt nhìn trời: da trời một màu đen sẫm.

Chị đứng ngẫm nghĩ, tà áo bay kêu bành bạch như tiếng sóng vỗ mạnh vào bờ. Bỗng trong lòng nẩy một ý tưởng, khiến chị hoảng hốt chạy vụt xuống phía đê bên sông.

Tới chỗ buộc thuyền, một chiếc thuyền nan. Lạc thấy chồng đương ra sức níu lại các nút lạt. Chị yên lặng đăm đăm đứng ngắm đợi khi chồng làm xong công việc, mới bước vào thuyền, hỏi:

– Mình định đi đâu?

Thức trừng trừng nhìn vợ, cất tiếng gắt:

– Sao không ở nhà với con?

Lạc sợ hãi ấp úng:

– Con ... nó ngủ.

– Nhưng mày ra đây làm gì?

– Nhưng mình định đem thuyền đi đâu?

– Mày hỏi làm gì?... Đi về!

Lạc bưng mặt khóc. Thức cảm động:

– Sao mình khóc?

– Vì anh định đi vớt củi một mình, không cho tôi đi.

Thức ngẫm nghĩ, nhìn trời, nhìn nước, rồi bảo vợ:

– Mình không đi được... Nguy hiểm lắm!

Lạc cười:

– Nguy hiểm thời nguy hiểm cả... Nhưng không sợ, em biết bơi.

– Được!

Tiếng "được" lạnh lùng, Lạc nghe rùng mình. Gió thổi vẫn mạnh, nước chảy vẫn dữ, trời một lúc một đen. Thức hỏi:

– Mình sợ?

– Không.

ooOoo

Hai vợ chồng bắt đầu đưa thuyền ra giữa dòng, chồng lái, vợ bơi. Cố chống lại với sức nước, chồng cho mũi thuyền quay về phía thượng du, nhưng thuyền vẫn bị trôi phăng xuống phía dưới, khi nhô khi chìm, khi ẩn khi hiện trên làn nước phù sa, như chiếc lá tre khô nổi trong vũng máu, như con muỗi mắt chết đuối trong nghiên son.

Nhưng nửa giờ sau, thuyền cũng tới được giữa dòng. Chồng giữ ghì lái, vợ vớt củi.

Chẳng bao lâu thuyền đã gần đầy, và vợ chồng sắp sửa quay trở vào bờ, thì trời đổ mưa... Rồi chớp nhoáng như xé mây đen, rồi sấm sét như trời long đất lở.

Chiếc thuyền nan nhỏ, đầy nước, nặng trĩu. Hai người cố bơi, nhưng vẫn bị sức nước kéo phăng đi...

Bỗng hai tiếng kêu cùng một lúc:

– Giời ôi!

Thuyền đã chìm. Những khúc củi vớt được đã nhập bọn cũ và lạnh lùng trôi đi, lôi theo cả chiếc thuyền nan lật sấp...

Chồng hỏi vợ:

– Mình liệu bơi được đến bờ không?

Vợ quả quyết:

– Được!

– Theo dòng nước mà bơi... Gối lên sóng!

– Được! Mặc em!

Mưa vẫn to, sấm chớp vẫn dữ. Hai người tưởng mình sống trong vực sâu thẳm. Một lúc sau, Thức thấy vợ đã đuối sức, liền bơi lại gần hỏi:

– Thế nào?

– Được! Mặc em!

Vợ vừa nói buông lời thì cái đầu chìm lỉm. Cố hết sức bình sinh nàng lại mới ngoi lên được mặt nước. Chồng vội vàng đến cứu. Rồi một tay xốc vợ, một tay bơi. Vợ mỉm cười, âu yếm nhìn chồng. Chồng cũng mỉm cười. Một lúc, Thức kêu:

– Mỏi lắm rồi, mình vịn vào tôi, để tôi bơi! Tôi không xốc nổi được mình nữa.

Mấy phút sau chồng nghe chừng càng mỏi, hai cánh tay rã rời. Vợ khẽ hỏi:

– Có bơi được nữa không?

– Không biết. Nhưng một mình thì chắc được.

– Em buông ra cho mình vào nhé?

Chồng cười:

– Không! Cùng chết cả.

Một lát, một lát nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày, chồng lại hỏi:

– Lạc ơi! Liệu có cố bơi được nữa không?

– Không!... Sao?

– Không. Thôi đành chết cả đôi.

Bỗng Lạc run run khẽ nói:

– Thằng Bò! Cái Nhớn! Cái Bé!... Không!... Anh phải sống!

Thức bỗng nhẹ hẳn đi. Cái vật nặng không thấy bám vào mình nữa. Thì ra Lạc nghĩ đến con đã lẳng lặng buông tay ra để chìm xuống đáy sông, cho chồng đủ sức bơi vào bờ.

ooOoo

Đèn điện sáng rực suốt bờ sông. Gió đã im, sóng đã lặng. Một người đàn ông bế một đứa con trai ngồi khóc. Hai đứa con gái nhỏ đứng bên cạnh. Đó là gia đình bác phó Thức ra bờ sông từ biệt lần cuối cùng linh hồn kẻ đã hy sinh vì lòng thương con. Trong cảnh bao la, nước sông vẫn lãnh đạm chảy xuôi dòng.

---

*[Rút từ tập truyện ngắn **ANH PHẢI SỐNG**, Nxb Đời nay, Hà Nội, 1934.]*

Bài làm

Chung :

1. Giới thiệu các nhân vật
    a. Hãy kể tên các nhân vật
    b. Quan hệ giữa các nhân vật.
    c. Họ làm nghề gì ? Hoàn cảnh sinh sống của họ ra sao ?

2. Kể lại ý chính của từng đoạn

Riêng :

3. Hãy tóm tắt câu chuyện và viết vài lời bình luận.

Em Bé Việt Nam và Viên Sỏi

Bé thơ ơi cuộc đời em viên sỏi
Khóc một lần nước mắt chảy thiên thu

- Viên kẹo tròn này để dành cho Mẹ
Viên kẹo vuông này để lại cho Ba
Viên kẹo nhỏ này để qua cho chị
Viên kẹo lớn này để lại cho em
Còn viên kẹo thật to nầy ... là phần Bé đấy

Bên bờ biển Palawan
Có một em bé gái
Tuổi mới chừng lên sáu lên năm
Đang ngồi đếm từng viên sỏi nhỏ
Và nói chuyện một mình
Như nói với xa xăm.

- Em đến từ Việt Nam
Câu trả lời thường xuyên và duy nhất
Hai tiếng rất đơn sơ mà nhiều người quên mất
Chỉ hai tiếng này thôi
Em nhớ kỹ trong lòng
Em chỉ ra ngoài Đông Hải mênh mông
Cho tất cả những câu hỏi khác.

Mẹ em đâu?
- Ngủ ngoài biển cả.

Em của em đâu?
- Sóng cuốn đi rồi.

Chị của em đâu?
- Nghe chị thét trên mui.

Ba em đâu?
Em lắc đầu không nói.

- Bé thức dậy thì chẳng còn ai nữa

Chiếc ghe nhỏ vớt vào đây mấy bữa
Trên ghe sót lại chỉ dăm người
Lạ lùng thay một em bé mồ côi
Đã sống sót sau sáu tuần trên biển.

Họ kể lại em từ đâu không biết
Cha mẹ em đã chết đói trên tàu
Chị của em hải tặc bắt đi đâu
Sóng cuốn mất người em trai một tuổi.

Kẻ sống sót trong sáu tuần trôi nổi
Đã cắt thịt mình lấy máu thắm môi em
Ôi những giọt máu Việt Nam
Linh diệu vô cùng
Nuôi sống em
Một người con gái Việt.

Mai em lớn dù phương nào cách biệt
Nhớ đừng bao giờ đổi máu Việt Nam
Máu thương yêu đã chảy bốn ngàn năm
Và sẽ chảy cho muôn đời còn lại.

- Viên kẹo tròn này để dành cho Mẹ
Viên kẹo vuông này để lại cho Ba
Viên kẹo nhỏ này để qua cho chị
Viên kẹo lớn này để lại cho em
Còn viên kẹo thật to nầy... là phần Bé đấy.

Suốt tuần nay em vẫn ngồi
Một mình lẩm bẩm
Ngơ ngác nhìn ra phía biển xa xôi.

Như thuở chờ Mẹ đi chợ về
- Thật trễ làm sao
Em tiếp tục thì thầm
Những câu nói vẩn vơ
Mẹ ngày xưa vẫn thường hay trách móc.

Em cúi đầu nhưng không ai vuốt tóc
Biển ngậm ngùi mang thương nhớ ra đi
Mai nầy ai hỏi Bé yêu chi
Em sẽ nói là em yêu biển
Nơi cha chết không tiếng kèn đưa tiễn
Nơi tiếng chị rên
Nghe buốt cả thịt da
Nơi Mẹ chẳng về dù đêm tối đi qua
Nơi em trai ở lại
Với muôn trùng sóng vỗ.

Bé thơ ơi cuộc đời em viên sỏi
Khóc một lần nước mắt chảy thiên thu.

Trần Trung Đạo

Bài thơ này đã được Phan Văn Hưng phổ nhạc (có thể nghe tại Youtube Em bé và viên sỏi)

1- Hãy cho biết bối cảnh của câu chuyện : nơi chốn, nhân vật, hoàn cảnh sống.

2- Câu chuyện này Giai đoạn nào trong lịch sử Việt Nam

3- Hãy kể (nói) lại câu chuyện của nhân vật được mô tả trong bài thơ !

4- Hãy viết chút ít cảm nghĩ về câu chuyện !

Đêm Thánh Vô Cùng

1. Cha sở buồn bã từ mấy hôm nay. Tháng mười hai đã tới bằng những buổi sáng mù sương, bằng những cơn gió lạnh lẽo gợi tưởng những cơn gió lạnh lẽo chốn xưa. Và cha sở càng buồn bã. Ngôi nhà thờ bé nhỏ của cha đã chịu đựng hàng ngàn trái pháo kích tàn nhẫn chung số phận với làng quê hiền lành, vô tội. Thông điệp quái ác thường chuyển đi bằng bom đạn. Nó dục con người bỏ nơi chôn rau cắt rốn ra đi và bắt phải khóc chảy máu mắt. Loạt đại bác ở những khe núi nào đó cách xa ba mươi tám cây số gửi về làng vào đầu mùa hạ. Theo dân làng chạy đạn, đám con chiên của cha sở cũng lưu lạc đó đây như những tội đồ oan uổng. Cha sở nhớ ngôi nhà thờ, nhớ xóm đạo nghèo khổ, nhớ vùng trời êm ả cũ. Đại bác đã làm sụp đổ giáo đường? Tháp chuông đã bị xóa bỏ? Và Thánh thể? Cha sở ôm mặt. Chưa bao giờ ngài biết buồn. Nhưng hôm nay ngài buồn khôn tả. Vì sắp đến ngày Chúa giáng sinh. Ngày lại ngày, ngài ngồi phương trời mới nhớ phương trời cũ. Mây bay. Mây bay hoài và ngài thấy mây bay sang Đất Thánh. Cha sở bồn chồn, lo lắng. Ngài đưa tay làm dấu và cầu nguyện. Một ý nghĩ vụt thức trong tâm tưởng ngài. Ý nghĩ đó khiến cho cha sở, gần như trút hết nỗi buồn bã. Ngài họp đám con chiên lạc, nói cho họ nghe ý nghĩ của ngài.

- Không thể trở về được, thưa cha.

- Tại sao ?

- Đường sá xa xôi, nguy hiểm đầy rẫy. Chúng nó sẽ giết cha. Thưa cha, dễ gì nhà thờ còn nguyên vẹn.

- Chúa còn nguyên vẹn, đất còn nguyên vẹn. Ai dám theo cha.

2. Chẳng ai dám theo cha. Đám con chiên lưu lạc nín thinh. Cha sở ngó mấy gã chiên ghẻ. Mấy gã này nổi tiếng phá phách, bướng bỉnh cãi lời cha và lười biếng tới nhà thờ. Đã thế, mấy gã còn láo lếu, dám chọc ghẹo gái trước cổng giáo đường và bắt trộm gà, bắt trộm chim bồ câu của cha sở nấu cháo nhậu nhẹt, đàn địch. Cha sở thường nói mấy gã sẽ xuống địa ngục, nếu cứ tiếp tục phạm điều giới răn. Mấy gã cười hềnh hệch, đòi xuống địa ngục để khỏi gặp cha sở trên thiên đàng. Bây giờ, cha sở hỏi mấy gã.

- Các con dám theo cha trở về không ?

- Chúng con sợ chết.

- Ai mà không có lần chết.

- Những người ngoan đạo chết mới được lên thiên đàng. Chúng con chết về địa ngục khổ lắm. Chúng con nhất định không về. Thưa cha...

- Gì ?

- Mình tổ chức Giáng sinh mừng Chúa ở đây đi, cha ạ ! Trở về chỗ hoang tàn, đâu đủ nghi lễ.

- Cha muốn làm sáng danh Chúa trên đất hoang tàn. Này các con, nơi đất chết là nơi Chúa muốn có mặt ta. Hãy làm đất chết sống dậy. Đó là ý nghĩa của phục sinh. Các con đừng câu nệ nghi lễ. Nghi lễ ở trái tim ta. Lửa trái tim chân thành sáng hơn một trời sao rực rỡ. Chúa đã ra đời trên vùng đất chết, vùng đất của oan khiên, thống khổ. Và rồi, các con ạ, mỗi bước chân Chúa đặt lên đất chết đều nở hoa hạnh phúc, yêu thương.

- Chúa không ở đây.

- Các con lầm. Chúa ở niềm tin của ta.

- Chúa không ở với lũ chiên ghẻ. Chúng con không về đâu.

Cha sở lắc đầu. Ngài thở dài. "Ngày tháng mười chưa cười đã tối". Thấm thoát đã là 20 tháng 12. Cha sở đăm chiêu. Rồi cha sở tìm quên những nỗi buồn bằng cách đẽo một cây thánh giá gỗ. Ngài quyết định trở về vùng đất chết.

3. Cha sở vác cây thánh giá băng đồng, vượt đường. Ngài khởi hành vào nửa đêm 23. Đoạn đường ngài đi, chắc chắn nhiều khó gấp bội đoạn đường của các vì vua tới Bê Lem từ phương Đông. Ngài đi chân đất, không mang theo lương thực. Gió lạnh cuối năm cắt da thịt ngài. Tóc ngài tung bay. Ngài hụt chân, ngã chúi xuống ruộng nước. Y phục ngài ướt đẫm bùn. Bùn khô dần và quánh trên áo ngài, dính chặt mình mẩy ngài. Như máu của Chúa sau những lần chịu tội cho nhân loại. Không gian bao la ngập chìm trong đen tối. Bóng ngài cơ hồ như con cá nhỏ bơi giữa cái biển đen tối, cái biển mênh mông thù hận, oan khiên. Không một thiên thần nào che chở ngài. Ánh sáng soi lối đi của ngài chỉ là ngọn lửa tim mà ngài đã nghĩ. Nhưng trời vỡ sáng. Mặt trời rọi những tia nắng hanh xoáy bỏng khuôn mặt ngài. Dưới một gốc cây, cha sở ôm thánh giá cầu nguyện đêm tới. Và đêm tới, cha sở lại vác thánh giá lên đường. Ngài bước mau, ngài chạy. Ngài không nhìn lên trời nên không hay có một ngôi sao theo ngài từng bước. Đằng trước súng nổ. Đàng sau súng nổ. Bên trái súng nổ. Bên phải súng nổ. Cha sở chẳng nghe rõ. Thân ngài thôi nặng trĩu vì trí ngài lâng lâng. Ngài đã biến thành một thiên thần. Đúng nửa đêm 24, cha sở về tới ngôi nhà thờ.

4. Ngài đứng trên đổ nát. Ngài đứng trên đất chết. Giáo đường chỉ còn là đống gạch vụn sặc mùi thuốc đạn. Tháp chuông gục đổ. Thánh thể chìm dưới lớp gạch nát. Cha sở ứa nước mắt. Ngài không còn thì giờ làm gì khác hơn là dựng vội cây thánh giá lên đất chết. Và ngài quỳ xuống cầu nguyện:

- Lạy Chúa, Chúa chịu khổ cho chúng con hạnh phúc. Chúng con theo Chúa, chịu khổ cho đời sau hạnh phúc. Hạnh phúc chỉ nở hoa tươi đẹp, ngát hương từ đau khổ. Kẻ nào biết đau khổ kẻ ấy sẽ được hưởng hạnh phúc, được hưởng ân sủng của Chúa.

- A men...

Cha sở ngạc nhiên. Ngài căng mắt hướng về phía phát ra âm thanh kỳ diệu giữa cô đơn, sơ hãi. Mấy gã chiên nhận mình là chiên ghẻ đang kính cẩn làm dấu. Cha sở ngước nhìn trời. Một vì sao lung linh thả ánh sáng, rơi lọt vào đôi mắt ngài. Và nhớ ánh sáng huyền ảo đó, cha sở thấy quê hương Việt Nam chết chóc quá lâu của cha đang cựa quậy phục sinh trong đêm thánh vô cùng.

Giáng sinh 1973

Duyên Anh

Máng cỏ của cu Tý

Mỗi ngày, bố cho cu Tý hai chục uống nước. Cu Tý uống chai xá xị mất mười lăm đồng . Từ hôm « ghi tên dự thi » làm máng cỏ, cu tý nhịn uống. Cu Tý dành tiền mua « vật liệu » kiến trúc cái máng cỏ đầu tiên trong đời cu Tý. Trước hết là những tấm hình in rô-nê-ô về sự tích Giáng sinh bán ở nhà sách trong trường. Cu Tý « thanh toán » bài vở rất nhanh để loay hoay tô mầu lên hình Chúa và các Thánh. Cu Tý hỏi bố cách tô mầu. Bố dốt về màu sắc. Cu Tý hỏi mẹ. Cu Tý có cái tật đáng ghét ghê đi, là làm hỏng cái gì thì ngồi khóc. Cu Tý tô mầu lem nhem, tẩy xóa không được, ngồi khóc. Cu Tý cắt hình bị lệm, ngồi khóc. Y như lúc cu Tý làm bài, học bài. Bố cu Tý hỏi han, rõ chuyện phải an ủi :

- Con làm đi, làm thật nhiều lần mới đẹp. Giải thưởng thường về tay những người kiên nhẫn. Nước chảy, đá mòn, cu Tý ạ !

Cu Tý lau nước mắt, hôm sau mua về một xấp hình. Cu Tý ngỏ ý nhờ bố mẹ tô mầu giúp. Bố nói :

- Bố tô cũng được và sẽ đẹp nhưng con sẽ bớt vinh dự nếu máng cỏ của con trúng giải nhất. Hãy tự con làm một cái máng cỏ đẹp nhất như tự bố, bố đã làm lấy cuộc đời bố.
- Chúa có giúp con không ?
- Con cứ giúp con trước đi, Chúa sẽ giúp sau.

Cu Tý học lớp năm, sắp lên trung học rồi, nên hiểu lời bố. Cu Tý không nhờ vả bố mẹ nữa. Cu Tý thức khuya tô màu hình Chúa và các vị vua tới từ phương Đông. Hỏng ; Xé bỏ. Khóc. Nín. Tô hình mới. Cuối cùng, cu Tý đã có những tấm hình có chân dán tô màu thật đẹp, cắt thật hay, cần thiết cho sự trang trí bên trong máng cỏ. Cu Tý hài lòng. Cu Tý cười nói huyên thuyên. Để đền ơn hai em đã không phá nghịch, cu Tý mua xí muội tặng cu Đốm và đậu phộng da cá tặng con Ki. Đã đến lúc cu Tý lo cái nền máng cỏ, cu Tý nhờ bố bắc thang leo lên gác xép. Cu Tý lục lọi tung cả gác xép ; Bị mẹ cho ăn roi, mông cu Tý nổi hình con lươn đỏ. Bố vắng nhà không « can thiệp » kịp ; Cu Tý dấu chuyện ăn đòn. Chờ bố về, cu Tý tán bố :

- Bố ạ, nhà mình chẳng có miếng gỗ mỏng nào cả. Đằng sau cái khung ảnh của con là miếng các tông dầy cộm, con lén mẹ gỡ ra làm cái nền máng cỏ được không hả, bố ?
- Rối lấy gì thay thế ?
- Dự thi xong, con đem về, gỡ ra, lắp vô như cũ.
- Con sẽ trúng giải nhất mà.

Cu Tý ngây người ra giây lát (*tức là máng cỏ sẽ được trưng bày trong tủ kính một năm, không mang về được)*. Bố xoa đầu cu Tý

- Thì gỡ đi, bố nhận tội giùm con.

Cu Tý cười :

- Con chịu nổi năm roi, bố ạ!

Cu Tý tháo các tông sau khung ảnh chụp cu Tý đang đứng ở bãi biển vũng tàu làm cái nền máng cỏ. Cu Tý cuốc bộ lên Tân Định mua giấy bạc làm hang đá, mua cỏ nhuộm nhân tạo làm cỏ máng lừa nơi hang Bê lem. Cu Tý mua cả cây « sa panh » nhỏ tí lốm đốm tuyết trắng. Cu Tý « sáng tác » thêm cái cột trên nóc hang đá và cột thêm nhiều cành để máng sao và các thiên thần do cu Tý vẽ và tô màu. Bố cu Tý ngạc nhiên :

- Hang đá và máng cỏ của con lạ thật !

Cu Tý nói :

- Con làm theo bài hát, bố ơi «nghe trên không trung, tiếng hát thiên thần vang lừng…»

Bố khen máng cỏ đẹp, mẹ không có ý kiến. Con Ki chê dở ẹt. Cu Đốm bảo máng cỏ sẽ chiếm giải bét, ăn bánh tét. Cu Tý buồn lắm.

Trích « Máng cỏ của cu Tý » của Duyên Anh

Bài làm :

1- Gia đình của Tý có mấy người con ? Kể tên.
2- Cu Tý làm máng cỏ với những dụng cụ hoặc vật liệu nào ?
3- Để có mỗi dụng cụ hoặc vật liệu, cu Tý phải làm gì ? Em hãy kể chi tiết trong một tấm bảng.
4- Để làm được hang đá, cu Tý đã hi sinh rất nhiều. Em định nghĩa như thế nào về sự hi sinh ?
5- Bố của Tí giúp cu Tý như thế nào ? (cho tiền, làm giúp, cho ý kiến, khuyến khích, an ủi…)
6- Hang đá của cu Tý có đẹp và xứng đáng giải nhất không ?
7- Nếu em biết sự khó nhọc của cu Tý khi cu Tý làm hang đá và là người chấm thi, em sẽ chấm giải thưởng cho cu Tý không ?
8- Em nghĩ gì về những giải thưởng cần cho trong những cuộc thi như thế này ?
9- Em nghĩ gì về câu tục ngữ « thất bại là mẹ thành công » ?
10- Thêm dấu vào bài viết dưới đây (làm tại lớp):

Quà Giáng Sinh

Phượng mo goi qua cua minh ra truoc nhung cap mat cham chu cua cac ban. Va tat ca cung reo len mot luot:

- "ồ ! Bup be"

Mat Phượng sang han len. Mot con bup be that đep, toc vang ong, co bang tím vấn ngang tren đau, đoi mat xanh nham mo đuoc. Bup be đung sừng sững o tren nap hop. No mac vay hong nạm kim tuyen, đi giay trang. No cuoi voi Phượng, voi lu tre. Mat no hong hao va cai mieng rat tuoi. . .

Bay gio thi Phượng xem đen cai hop đung bup be. Cai hop giay dan hoa mau xanh, buoc day đo, trong co đem lua va cai gối xinh xinh. Phượng mim cuoi sung suong.

Theo Nhật Tiến

Giải nghĩa:

- Vấn: *Quấn chung quanh.* ***- Sừng sững:*** *Đứng thẳng, đứng trơ ra.* ***- Nạm kim tuyến:*** *Có gắn chỉ vàng óng ánh.* ***- Đệm lụa:*** *Lót lụa ở giữa cho êm.*

BÀI VĂN "BỆNH VÔ CẢM" GÂY XÚC ĐỘNG SÂU SẮC

Những câu văn của em Phan Hoàng Yến, học sinh lớp 9A2 trường trung học Chu Văn An, Hà Nội đã gây ấn tượng mạnh với người đọc không chỉ bởi đề tài em lựa chọn mà còn bởi cách hành văn rất tinh tế và sắc sảo.
Bài văn được cô giáo cho 9,5 điểm với nhận xét :
« Em có những phát hiện và suy nghĩ sâu sắc về hiện tượng đáng buồn này. Một người có trái tim nhân hậu, đa cảm và tư duy sắc sảo như em thật đáng quý ».

BỆNH VÔ CẢM

Có được một xã hội văn minh, hiện đại ngày nay một phần lớn cũng là do những phát minh vĩ đại của con người. Một trong số đó chính là sự sáng chế ra rô-bốt, và càng ngày, rô-bốt càng được cải tiến cao hơn, tỉ mỉ hơn làm sao cho thật giống con người để giúp con người được nhiều hơn trong các công việc khó nhọc, bộn bề của cuộc sống . Chỉ lạ một điều : Đó là trong khi các nhà khoa học đang "vò đầu bứt tóc" không biết làm sao có thể tạo ra một con chip "tình cảm" để khiến "những cỗ máy vô tình" biết yêu, biết ghét, biết thương, biết giận thì dường như con người lại đi ngược lại, càng ngày càng vô tình, thờ ơ với mọi sự xung quanh. Đó chính là căn bệnh nan y đang hoành hành rộng lớn không những chỉ dừng lại ở một cá nhân mà đang len lỏi vào mọi tầng lớp xã hội - bệnh vô cảm.

Nhìn thấy cái xấu, cái ác mà không thấy bất bình, không căm tức, không phẫn nộ. Nhìn thấy cái đẹp mà không ngưỡng mộ, không say mê, không thích thú. Thấy cảnh tượng bi thương lại thờ ơ, không động lòng chua xót, không rung động tâm can. Vậy đó còn là con người không hay chỉ là cái xác khô của một cỗ máy ?

---------- *có thể ngưng ở đây, cho các học sinh thảo luận trước khi đọc phần sau* ------

Trước hết là về cái đẹp, bây giờ ra ngoài đường, hiếm ai có thể bắt gặp một người đàn ông đạp xe ung dung dạo mát, thưởng ngoạn cái không khí trong lành, tươi mát dưới những hàng cây cổ thụ vàm bóng quanh bờ hồ ; một người con gái dịu hiền, yêu kiều trong chiếc váy thanh thoát tản bộ trên những con đường hoa sấu, hoa sữa đầy mộng mơ mà hầu hết là những dòng người tấp nập, vội vã, chen lấn xô đẩy trên đường, xe buýt. Lúc ấy cũng chính là lúc mà con người ta mất một phần tâm hồn đẹp đẽ đã bị chôn vùi dưới lớp cát. Phải chăng cũng vì như thế mà họ càng lúc càng khép chặt cánh cửa trái tim mình lại, không còn biết hưởng thụ cái đẹp mà chỉ nghĩ đến tiền, đến công việc ngày mai ?

Vô cảm với cái đẹp mới chỉ là bước đầu. Một khi người ta đã không biết ngưỡng mộ, không biết say mê, rung động trước những điều đẹp đẽ thì trái tim cũng dần chai sạn rồi đến đóng băng. Khi ấy, không chỉ là cái đẹp mà đứng trước những hành động ác độc, vô lương tâm, con người ta cũng cảm thấy bình thường, không oán trách cũng không cảm thông, động lòng với những nạn nhân bị hại. Một tháng trước, tôi đọc được một bài báo trên mạng có đưa tin về vụ một đứa bé Trung Quốc hai tuổi bị xe tải cán. Thương xót, đau lòng làm sao khi nhìn cô bé đau đớn nằm trên vũng máu mà không một người nào qua đường để ý, cuống cuồng gọi cấp cứu. Họ nhìn thấy rồi đấy nhưng họ lại cố tình như không thấy, đi vòng qua cô bé để tiếp tục con đường nhạt thếch, sáo mòn của mình. Càng chua xót, đau lòng, phẫn nộ hơn khi chiếc xe tải tiếp theo nhìn thấy cô bé nằm đó, vẫn thoi thóp thở, bám víu lấy cuộc đời, lại vô

tình chẹt cả bốn bánh xe nặng trịch đi qua người cô bé, thản nhiên đi tiếp.Người qua đường vẫn thế, vẫn bình thản như không có chuyện gì xảy ra. Cô bé xấu số chỉ được cấp cứu khi một người phụ nữ nhặt rác đi qua, thấy cảm thông, đau lòng nên đã bế cô đi bệnh viện. Có những con người ích kỷ, vô tâm, tàn nhẫn như vậy đấy. Không những thế, bây giờ ra đường gặp người bị cướp, bị trấn lột, bị đuổi chém nhưng lại không thấy anh hùng nào ra can ngăn, cứu giúp hay chỉ một việc nhỏ nhoi thôi là báo công an. Đó là những con người "không dại gì" và cũng chính "nhờ" những người "không dại gì" đó mà xã hội ngày càng ác độc, hỗn loạn. Chính lẽ đó mà căn bệnh vô cảm càng được thể truyền nhiễm, lây lan.

Vô cảm còn là con đường trực tiếp dẫn đến những cái xấu, cái ác. Nó là một căn bệnh lâm sàng mà trong đó, não của người bệnh vẫn hoạt động nhưng trái tim lại hoàn toàn băng giá. Người ta đã vô cảm thì làm sao có thể thấu hiểu được nỗi đau, tình cảm của người khác, người ta chỉ nghĩ đến mình và lợi ích của riêng mình mà thôi. Nếu không vô cảm, tại sao các cô giáo ở trường mầm non lại nhẫn tâm giật tóc, đánh đập, bịt miệng các cháu bé còn ngây thơ, nhỏ tuổi ? Tại sao một người còn chưa qua tuổi trưởng thành lại vô tư chém giết cả nhà người ta để lấy của cải ? Xa hơn nữa là các công chức bình thản ăn tiền ủng hộ, trợ giúp những số phận đau thương, bất hạnh của người dân để kiếm lợi cho riêng mình. Và còn nhiều, còn nhiều hành động xấu xa hơn nữa. Tất cả những điều vô lương tâm ấy đều xuất phát từ căn bệnh vô cảm mà ra.

Chúng ta biết bệnh vô cảm vô cùng nguy hiểm nhưng lại đặt ra câu hỏi : Rốt cuộc thì nguyên nhân tại sao ? Suy cho cùng, tình cảm là điều chi phối tất cả. Những người vô cảm là những người bị thiếu hụt tình yêu thương. Chính vì không cảm nhận được tình yêu thương mà người ta ngày càng lạnh giá.
Một phần nữa cũng là do xã hội hiện đại quá bận rộn và đòi hỏi con người phải làm việc, làm việc và làm việc mà bỏ quên thời gian để trao nhau hơi ấm của tình thương, để ươm mầm cảm xúc.
Tình cảm như những hạt mưa, hạt mưa càng to, càng nặng thì càng dập tắt được những ngọn lửa của lòng thù hận, ghen ghét, bi ai và nó cũng như một ngọn lửa thổi bùng cháy mãnh liệt trong tâm hồn để nuôi dưỡng tiếp nguồn sống cho chúng ta. Vì vậy, điều duy nhất chúng ta có thể làm để cho căn bệnh vô cảm "không còn đất sống" là hãy biết mở cửa trái tim để biết cảm nhận, biết yêu ghét, thương giận và chia sẻ những điều tinh túy đó cho những người xung quanh mình.
"Con người ta không phải là cái đồng hồ và trái tim ta cũng không phải là cái lò xo" - một giáo sư người Anh đã nói như thế. Tóm lại, ta nhận thấy rằng căn bệnh vô cảm đang lan tràn ngày càng rộng lớn và trở nên vô cùng nguy hiểm, biến con người thành một cỗ máy vô tri chỉ biết vận động. Đừng để điều đó xảy ra mà hãy đấu tranh để giành lại phần "người", giành lại "trái tim" mà Thượng Đế, mà tạo hóa đã ban cho chúng ta, đào thải căn bệnh vô tình quái ác ra khỏi xã hội.

THẢO LUẬN :

1- Em hãy kể những ví dụ « thấy cái xấu, cái ác mà không bất bình ».
2- Em hãy kể những ví dụ « thấy cái đẹp mà không ngưỡng mộ ».
3- Đối với em, những nguyên nhân nào dẫn tới « bệnh vô cảm » ?

Ba bàn tay

trích « Việt Nam quê hương yêu dấu »
giám mục Nguyễn Thái Hợp (*)

Có lẽ những mơ ước trên chỉ thành hiện thực khi ló dạng mô hình xã hội « ba bàn tay » : bàn tay vô hình của thị trường, bàn tay pháp lí của Nhà nước và bàn tay liên đới của xã hội dân sự.

Trong một thời gian dài, Nhà nước và thị trường đã thay phiên nhau khống chế mô hình phát triển, nhưng trên thực tế, cả hai đã tỏ ra bất lực trong việc thực hiện một phát triển quân bình giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển con người, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Hi vọng rằng với những đóng góp tích cực của xã hội dân sự, nghĩa là các hiệp hội chuyên nghiệp, tổ chức dân sự, tổ chức phi chính phủ, báo chí, nhà trường, công đoàn, cộng đoàn tôn giáo, làng xóm, khu phố, … chúng ta sẽ tìm được một mô hình phát triển quân bình hơn.

Sự kết hợp hài hoà giữa « ba bàn tay » sẽ giúp Việt Nam có khả năng xây dựng xã hội tăng trưởng kinh tế cao, nhưng đồng thời vẫn duy trì được bản sắc dân tộc, tình liên đới và giảm thiểu sự chênh lệch giàu nghèo cũng như những tệ đoan xã hội.

(*) giám mục Nguyễn Thái Hợp là chủ tịch Ban Công Lý và Hoà Bình, thuộc Hội Đồng Giám Mục Việt Nam

Câu hỏi để thảo luận :

1- Theo em nghĩ, những mơ ước của tác giả là gì ?
2- Trong bài, mô hình phát triển « Nhà nước » muốn nói gì ?
3- Trong bài, mô hình phát triển « thị trường» muốn nói gì ?
4- Tình hình kinh tế và xã hội Việt Nam hiện nay ra sao ?
5- « Bàn tay thứ ba » là gì, là những ai ?

Văn phạm

Ngữ vựng

Đối thoại

Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín

Từ Hán Việt	đồng nghĩa	ví dụ	
Nhân	người	công nhân = *ouvrier* nhân loại = loài người	
Nhân	lòng yêu người	lòng nhân ái Thiên Chúa nhân lành	
Lễ	nghi thức thái độ tôn kính	hôn lễ = *mariage* lễ phép = *poli*	
Nghĩa	việc đúng với lẽ phải	chính nghĩa	
Trí	khôn, thông minh	trí tuệ = *intelligence*	
Tín	lòng tin	tín hữu = người có đức tin tín điều = *dogme* trung tín	
Chí	ý hướng, quyết tâm	thiện chí = *bonne volonté*	
Lí	quy luật	giáo lí = *catéchisme,* chân lí = *vérité* công lí = *justice*	
Tâm	trái tim điểm chính giữa	tâm tình trung tâm	
Can	gan	can đảm tâm can	

Giải nghĩa :

Nhân Lễ Nghĩa Trí Tín là « ngũ thường », 5 điều mà con người phải có

Nông Công Thương

Từ Hán Việt	đồng nghĩa	ví dụ	
Nông	liên quan đến trồng trọt	nông nghiệp = *agriculture* nông dân = *agriculteur* nông sản = *produit agricol*	
Công	việc làm	công nhân = *ouvrier* công nghiệp = *industrie*	工
Công	chung	công cộng = *public* của công = bien public	公
Tư	riêng	tư gia = của riêng	
Thương	buôn bán	trung tâm thương mại thương gia = *homme d'affaire*	
Thực	ăn	lương thực = *nourriture* thực đơn = *menu* thực vật = *végétal*	食
Động	không đứng yên (trái với chữ tĩnh)	động vật = *animal* động cơ = *moteur*	
Nhiệt	nóng	nhiệt độ = *température* nhiệt kế = *thermomètre* nhiệt đới = *climat tropical*	
Hàn	lạnh	hàn đới = *climat arctique*	
Xa	xe	xa lộ = *autoroute*	
Phi	bay	phi trường = *aéroport* phi cơ = *avion* phi công = *aviateur* phi hành gia = *astronaute*	
Điện	điện	điện thoại = *téléphone* điện tử = *électronique* điện thư = *e-mail*	

Phụ Mẫu

Từ Hán Việt	đồng nghĩa	ví dụ	
Phụ	cha	phụ huynh = cha, anh	
Mẫu	mẹ	Thánh Mẫu	
Tử	con		
Tử	chết	tử nạn lâm tử = gần chết	
Sinh	sống đẻ ra	sinh vật = *être vivant* Giáng Sinh Phục Sinh sinh nhật	
Giáo	đạo dạy dỗ và chỉ vẽ	Thiên Chúa Giáo Công Giáo Phật Giáo Khổng Giáo Hồi Giáo	
Sư	thầy người giỏi về 1 việc	giáo sư = *professeur* luật sư = *avocat*	
Bình	yên ổn bằng phẳng đều nhau	hòa bình = *paix* bình thường = *normal* điểm trung bình = *moyenne*	
An	êm đềm (trái với chữ nguy)	an tâm = yên tâm bình an = *paix*	
Hảo	tốt đẹp	hoàn hảo = *parfait*	
Thiện	tốt lành (trái với chữ ác)	thiện tâm = lòng tốt hội từ thiện = association caritative	

Tài ứng đối của Mạc Đĩnh Chi

http://edu.go.vn
http://diendankienthuc.net

Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi (1280-1346) nổi tiếng thơ phú, là một người giỏi ứng đối. Vẫn còn những giai thoại kể về tài ứng đối, thơ, phú của ông từ khi ông làm quan triều Trần cũng như khi đi sứ nhà Nguyên. Hoàng đế nhà Nguyên đã phong Mạc Đĩnh Chi là "Lưỡng quốc trạng nguyên".

1. Tài ứng đối thứ nhất:

Năm 1308 Mạc Đĩnh Chi đi sứ nhà Nguyên, đến cửa khẩu sai hẹn, quân Nguyên canh gác bắt phải chờ đến sáng hôm sau. Thấy sứ bộ Đại Việt cứ biện bạch mãi, viên quan phụ trách canh cửa ải thả từ trên lầu cao xuống một câu đối, thử thách sứ bộ Đại Việt nếu đối được thì họ sẽ mở cửa. Câu đối có nội dung như sau:

"Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan"
(nghĩa là: Tới cửa ải trễ, cửa quan đóng, mời khách qua đường cứ qua)

Một vế đối hóc búa đến 4 chữ quan và 3 chữ quá? Mạc Đĩnh Chi thấy khó, nhưng ông đã nhanh trí dùng mẹo để đối như sau:

"Tiên đối dị, đối đối nan, thỉnh Tiên sinh tiên đối"
(nghĩa là: Ra câu đối dễ, đối câu đối khó, xin mời Tiên sinh đối trước).

Vế đối của ông có 4 chữ đối và 3 chữ tiên, đúng với yêu cầu câu đối của viên quan ấy. Tưởng lâm vào thế bí, hóa ra lại tìm được vế đối hay, khiến người Nguyên phải phục và liền mở cửa ải để đoàn sứ bộ của Mạc Đĩnh Chi qua biên giới.

2. Tài ứng đối thứ hai:

Tới kinh đô, Mạc Đĩnh Chi được vời vào tiếp kiến hoàng đế nhà Nguyên. Vua Nguyên đọc một câu đối đòi ông phải đối lại:

"Nhật: hỏa; vân: yên; bạch đán thiêu tàn ngọc thỏ"
(nghĩa là: Mặt trời là lửa, mây là khói; ban ngày đốt cháy vầng trăng).

Mạc Đĩnh Chi hiểu rõ dụng ý tỏ vẻ kiêu ngạo của một nước lớn và cả mục đích đe dọa của vua Nguyên. Ông đã ứng khẩu đọc:

"Nguyệt: cung; tinh: đạn; hoàng hôn xạ lạc kim ô"
(nghĩa là: Trăng là cung, sao là tên; chiều tối bắn rơi mặt trời).

Vế đối rất chuẩn và tỏ rõ sự cứng rắn của người dân nước Việt, không run sợ và sẵn sàng giáng trả và làm thất bại kẻ thù.

3. Tài ứng đối thứ ba:

Phủ Thừa tướng nhà Nguyên rất uy nghi to lớn làm lóa mắt thiên hạ có ý đe dọa mọi người.

Hôm ấy nhân việc quan rỗi rãi. Mạc Đĩnh Chi vào thăm phủ Thừa tướng. Trong khi chờ đợi tiếp kiến Thừa tướng ông đã đi dạo theo lan can. Bỗng ông thấy một con chim sẻ đậu trên một cành trúc ông liền thò tay bắt. Khi đó ông mới giật mình vì không phải là chim thật mà là chim trong bức tranh vẽ.

Thấy vậy, bọn lính hầu cười ầm lên. Mạc Đĩnh Chi liền tức giận xé toạc bức tranh.

Bọn lính bắt Mạc Đĩnh Chi giải vào bẩm với Thừa tướng. Trong bụng hí hửng chắc mẩm phen này sứ giả Nam bang ắt là nguy đến nơi.

Thừa tướng nhà Nguyên nghe tin bức tranh quí của mình bị xé nát thì vừa tức giận trước sự vô lễ của của sứ giả Nam bang, vừa tiếc của nên đã đập bàn quát hỏi :

- Tại sao nhà ngươi lại khinh ta quá vậy ? Nhà ngươi không sợ chết à ?

Mạc Đĩnh Chi ung dung trả lời.

- Tôi đâu dám khinh Thừa tướng. Tôi không sợ chết vì lẽ tôi đã làm một việc để cứu nguy cho Thừa tướng và vì thánh triều mà xé bỏ một bức tranh vô đạo.

Nghe thấy vậy. Thừa tướng nhà Nguyên lấy làm lạ dịu dàng hỏi :

- Ngài bảo sao? Chả lẽ tôi treo bức tranh mà lại gặp nguy hiểm à ?

Mạc Đĩnh Chi giải thích :

- Theo thánh nhân đã dạy. Cây trúc là biểu tượng cho người quân tử, con chim sẻ là biểu tượng của kẻ tiểu nhân. Bức tranh vẽ con chim sẻ đậu trên cành trúc là có ý muốn nói: kẻ tiểu nhân ở trên người quân tử. Như vậy chính là cương thường điên đảo. Quân tử ở dưới tiểu nhân, bề tôi ở trên vua. Thật là bức tranh vô đạo. Nếu không xé đi mà cứ treo mãi chờ có kẻ xu nịnh sẽ tâu với Hoàng đế điều này thì Thừa tướng nguy mất. Tôi đã vì ngài mà trừ bỏ nó đi. Sao Thừa tướng lại nỡ trách tôi.

Nghe xong, Thừa tướng nhà Nguyên toát mồ hôi hột vì sợ hãi liền dịu dàng :

- Ngài nói cũng có lý, thôi ta vào trong để đàm đạo, không nói tới chuyện bức tranh nữa.

Thế là do sự nhanh trí đến kỳ tài mà từ chuyện nhầm là chim sẻ thật đã mắc tội xé tranh mà Mạc Đĩnh Chi lật ngược thế cờ thành người có công.

Giải nghĩa :

- Trạng Nguyên : người đậu hạng nhất khoá thi Đình, là khoá thi cao cấp nhất trong 3 khoá thi Hương (ở địa phương), thi Hội (ở các tỉnh lớn) và thi Đình (ở triều đình). Trong xã hội phong kiến việt nam, những người tài giỏi được chọn ra làm quan nhờ các khoá thi này.

- Giai thoại : mẫu chuyện hay

- Lưỡng Quốc : hai nước, « Lưỡng quốc trạng nguyên » là trạng nguyên cả hai nước Đại Việt và Đại Nguyên

- Cửa khẩu : cửa ải, nằm trên biên giới giữa hai nước

- Tiếp kiến : gặp mặt

- Khẩu : miệng

- Ứng khẩu : trả lời ngay, không cần phải viết trên giấy rồi đọc

- Thừa tướng : chức quan văn lớn nhất, được vua cho cai quản mọi việc trong triều đình

- Thiên hạ : thiên là trời, hạ là ở dưới, thiên hạ chỉ tất cả mọi người sống dưới vòm trời

- Bẩm : người chức nhỏ nói với người có chức tước lớn hơn mình

- Vô đạo : không đường lối, sai trái

- Thánh nhân : chỉ những người có học thức, đã dạy cách suy nghĩ và cư xử trong nho giáo

- Quân tử : là hình mẫu con người (đàn ông) đúng theo nho giáo, là người suy nghĩ và hành động ngay thẳng, theo lẽ phải, không vụ lợi cá nhân

- Tiểu nhân : tiểu là nhỏ, nhân là người. Ngược lại với người quân tử, kẻ tiểu nhân sống thiếu đạo đức và qui tắc, không có lòng cao thượng, không nghĩ đến lợi ích chung

- Đàm đạo : nói chuyện

Nấu phở

1- Đối thoại :

- Chào bác, bác bán **cho** cháu một kí lô thịt bò mềm.
- Miếng thịt này nặng tới một kí rưỡi đó.
- Nhiều quá bác ạ. Cháu chỉ cần mua một kí thôi.
- Cháu muốn mua thêm gì nữa không ?
- Bác bán thêm cho cháu một kí lô xương đuôi bò.
- Cháu định nấu phở, phải không ?
- Dạ phải. Bác đoán hay lắm. Cháu cần những gia vị nào hả, bác ?
- Cháu phải mua thêm cánh hồi và quế, nấu chung với xương bò để cho nước lèo vừa thơm vừa ngọt.
- Cám ơn bác. Giá, hành, nước mắm , bánh phở… chắc là đủ rồi.

2- Ngữ vựng :

- kí lô = kí = kí lô gam = kg
- nước lèo : nước nấu xương bò và thịt bò, đã được nêm gia vị cho vừa ăn

- Vật liệu để nấu bún bò Huế : ……..
  ……
  ……
  ……

- Vật liệu để làm bánh xèo: ……..
  ……
  ……

- Vật liệu để nấu xôi đậu xanh: ……..
  ……
  ……

3- Văn phạm :

Vị trí và ý nghĩa của từ **CHO** :

→ Giới từ (cho = à):
dùng để giới thiệu túc từ gián tiếp (complément d'objet indirect) trong câu có tha-động từ (verbe transitif) như : **đưa, bán, mua, lấy, sửa, …**
Thí dụ: - Bác bán **cho** cháu một kí lô thịt bò mềm.

→ Giới từ : (cho = pour) chỉ mục đích
Thí dụ : - Làm **cho** xong.
- Quét nhà **cho** sạch.

→ Động từ : **cho** ai **mượn** cái gì (= prêter / mượn = emprunter)
Thí dụ : - Tôi **cho** nó **mượn** cây viết.

→ Động từ : **cho = biếu, tặng**
Thí dụ : - Tôi cho anh cuốn tự điển.
- Tôi tặng anh cuốn tự điển.
- Tôi biếu anh cuốn tự điển.

Nhận xét :

Để tránh lập lại hai lần từ 'cho ', người ta huỷ giới từ 'cho ' trong câu có các động từ cho, biếu, tặng :
- Tôi cho~~(cho)~~ anh cuốn tự điển.
- Tôi tặng ~~(cho)~~ anh cuốn tự điển.
- Tôi biếu ~~(cho)~~ anh cuốn tự điển.

Trái ngược với tiếng pháp, trong câu , túc từ gián tiếp thường đứng cạnh động từ thay vì túc từ trực tiếp.

4- Bài làm :

Từng nhóm hai em lên đối thoại theo bài mẫu nhưng đổi món ăn và vật liệu để nấu món ăn.

Phân biệt và sử dụng các từ nối THÌ, MÀ

THÌ : terme de liaison

1/ Relie la condition à une conséquence :
(nếu, hễ) . .. .. thì

Thí dụ : - Hễ tôi không ăn cơm thì tôi đói.
- Nếu chính phủ không cho tôi ở lại thì tôi tuyệt thực.

2/ Relie une proposition temporelle à la principale :
(khi, khi nào, đang , bao giờ...) .. .. thì

Thí dụ : - Khi nào trời mưa thì con mang dù theo.
- Đang nói chuyện thì cô ấy đến.

3/ Relie les 2 phrases corrélatives

Thí dụ :
- Anh thích cái gì thì anh mua cái đó (= Anh thích cái gì, anh mua cái đó)

4/ Met en relief le thème :

Thí dụ : - Người thì ưa ăn tôm, kẻ thì ưa ăn cá.

MÀ: terme de liaison

1/ Relie la cause à la conséquence : (tại, vì, tại vì) . .. .. mà

Thí dụ : - Tại (vì) trời lạnh mà tôi bị cảm.

2/ Relie une proposition souvent impérative à un but : Mà = để

Thí dụ : - Anh ra đây mà xem.

3/ Relie une concessive à la principale : Tuy, dù, dẫu... mà

Thí dụ : - Tuy bão mà dân không mất mùa.

4/ Comme un pronom relatif (employé facultativement)

Thí dụ : - Biển mà tôi thích là biển Địa Trung Hải.

5/ Terme d'opposition : mà = nhưng (mais, cependant, pourtant)

Thí dụ : - Chưa đến giờ mà chị đã về.
- Tôi về nhé. - Còn sớm mà !

6/ Met en relief l'adjectif qui le précède :

Thí dụ : - Khó mà tìm ra đường !

Bài tập :

Điền những câu sau đây với một trong hai từ nối câu : thì, mà ;
sau đó, em giải thích tại sao.

1- Nói …….. dễ, làm …….. khó.
2- Dễ nói …….. khó làm.
3- Dẫu mệt …….. ba tôi vẫn đi làm.
4- Khi trời hừng sáng …….. chim hót.
5- Con bé này yếu quá: khi …….. cảm nắng, lúc …….. cảm gió.
6- Vật …….. tôi luôn mang theo trên người là thẻ căn cước.
7- Hễ anh ấy thức khuya …….. anh ấy ngã bệnh.
8- Vì thời tiết xấu …….. máy bay đến trễ.
9- Em muốn làm …….. em cứ làm một mình đi.
10- Chưa dùng bữa …….. anh đòi về à?

Sinh vật
&
Địa lí Việt Nam

Rừng Việt Nam

Tổng số diện tích rừng của Việt Nam rộng ước chừng 40% đất đai cả nước hay là 13.500.000 mẫu tây (ha). Có nhiều loại rừng cây khác nhau:

Rừng rậm: rừng rậm ở những triền núi cao trên 700 m tại Bắc Việt và từ 1 200m trở lên trên dãy Trường Sơn Trung Việt. Rừng cây mọc rậm rạp trong vùng nhiệt đới vì có nhiều tháng mưa. Có những cây cao tới 30 m.

Rừng thưa: Việt Nam có khoảng 7 000 000 mẫu rừng thưa. Cây mọc thưa thớt ở ven rừng rậm hay những miền núi thấp hoặc trên triền núi cao nhưng thiếu nước. Rừng trải dài liên tiếp vùng cao nguyên Trung Việt, thỉnh thoảng cách quãng bởi một con suối hoặc một khu rừng tre. Rừng thưa thường là những loại cây dầu ở nơi cao; còn cây tre, cây mây, cây gồi mọc ở nơi đất thấp hơn. Ngoài ra còn có loại cỏ lau mọc chen lẫn giữa những rừng này.

Rừng chỉ mọc một loại cây còn gọi loại là rừng thuần nhất. Ngoài hai loại rừng kể trên, nhiều khu rừng khác chỉ có một loại cây:

1. Rừng thông ở cao nguyên Lâm Viên, Quảng Ngãi, Việt Trì, Quảng Yên.

2. Rừng đước (mangrove) ở ven biển trải dài từ Vũng Tàu đến Hà Tiên.

3. Rừng tràm ở U Minh chạy dài từ Rạch Giá đến sông Ông Đốc.

4. Rừng tre ở Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bình Thuận ...

Giải nghĩa:

Vùng nhiệt đới: *giải đất ở gần đường Xích Đạo, nóng bức hơn các nơi khác thường có nhiều mưa.*

Câu hỏi để đối thoại:

1- Diện tích rừng ở Việt Nam là bao nhiêu ?
2- Theo trong bài, rừng được chia làm mấy loại ? Hãy kể ra ?
3- Nhiệt đới nghĩa là gì ? Cho thí dụ.
4- Rừng thưa mọc ở những nơi nào ? Kể ba loại cây của rừng thưa ?
5- Rừng thuần nhất nghĩa là rừng gì ? Kể tên ba loại cây của rừng này ?

Sông ngòi Việt Nam

Nước Việt Nam nằm trong vùng ***nhiệt đới,*** mưa nhiều, nên có rất nhiều sông rạch. Vào mùa mưa, ***lưu lượng*** các sông lớn bồi đắp nhiều ***phù sa*** cho các vùng bình nguyên. Hai sông lớn là Hồng Hà và Cửu Long có ***thượng nguồn*** phát nguyên từ bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, các sông còn lại thường hẹp và ngắn, phát nguyên từ nội địa.

Miền Bắc có các sông chính là :

- Sông Hồng (Hồng ***Hà***) phát nguyên từ Vân Nam, Trung Hoa, dài 1 200 cây số (km) nhưng chỉ có 510 cây số chảy qua Việt Nam.
- ***Phụ lưu*** của Hồng Hà là sông Đà (còn gọi là Hắc ***Giang),*** và sông Lô.
- Sông Thái Bình hợp bởi Sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam tại Phả Lại. Sông Thái Bình chia ra nhiều nhánh: sông Bạch Đằng, sông Hòn, sông Kinh Môn.
- Sông Bạch Đằng là một dòng sông lịch sử, nơi đã xảy ra những chiến công hiển hách của Ngô Quyền và các tướng thời Trần.

Miền Trung có các sông chính là :

- Sông Mã, sông Cả.
- Về di tích lịch sử thì có các sông như sông Gianh, còn gọi là Linh Giang, chảy trong địa phận tỉnh Quảng Bình là con sông chia đôi nước ta trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh (1627-1775).
- Sông Bến Hải, phát nguyên từ góc Tây-Bắc tỉnh Quảng Trị, là con sông chia đôi nước ta trong thời Nam Bắc phân tranh (1954-1975).
- Sông Hương, kết hợp bởi hai phụ lưu là Tả Trạch và Hữu Trạch rồi chảy ngang qua cố đô Huế.

Miền Nam có các sông chính là :

- Sông Đồng Nai, có phụ lưu là sông La Ngà, sông Bé, sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ.
- Sông Cửu Long dài trên 4.200 km, phát nguyên từ Tây Tạng, chảy qua Trung Hoa, Ai Lao, Cam-pu-chia, đến Nam Vang thì phân làm hai nhánh đổ về hướng Việt Nam là Tiền Giang và Hậu Giang, chảy trên lãnh thổ Việt Nam một đoạn chừng 250 km. Sông Cửu Long chảy ra biển bằng chín cửa: Tiểu, Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên, Cung Hầu, Định An, Ba Thắc, và Trần Đề.

Miền Tây Nam phần còn có một hệ thống kinh đào chằng chịt, nối các sông lớn nhỏ thành một hệ thống ***thuỷ lộ*** và ***thuỷ nông*** quan trọng.

Giải nghĩa :

*- **Lưu lượng:** lượng nước chảy qua một chỗ trong một đơn vị thời gian. **- Phù sa:** đất bồi. **- Thượng nguồn:** khúc sông ở đầu nguồn. - **Phụ lưu:** nhánh sông phụ. **- Hà:** sông. **- Giang:** sông. - **Thuỷ lộ:** đường đi trên sông. **- Thuỷ nông:** công việc dẫn nước cho nghề làm ruộng.*

Câu hỏi để đối thoại :

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

1- Tại sao Việt Nam có nhiều sông rạch ?
2- Tả sơ qua về sông ngòi miền bắc Việt Nam ?
3- Tả sơ qua về sông ngòi miền trung Việt Nam ?
4- Tả sơ qua về sông ngòi miền nam Việt Nam ?
5- Tô màu các dòng sông trên bản đồ Việt Nam.

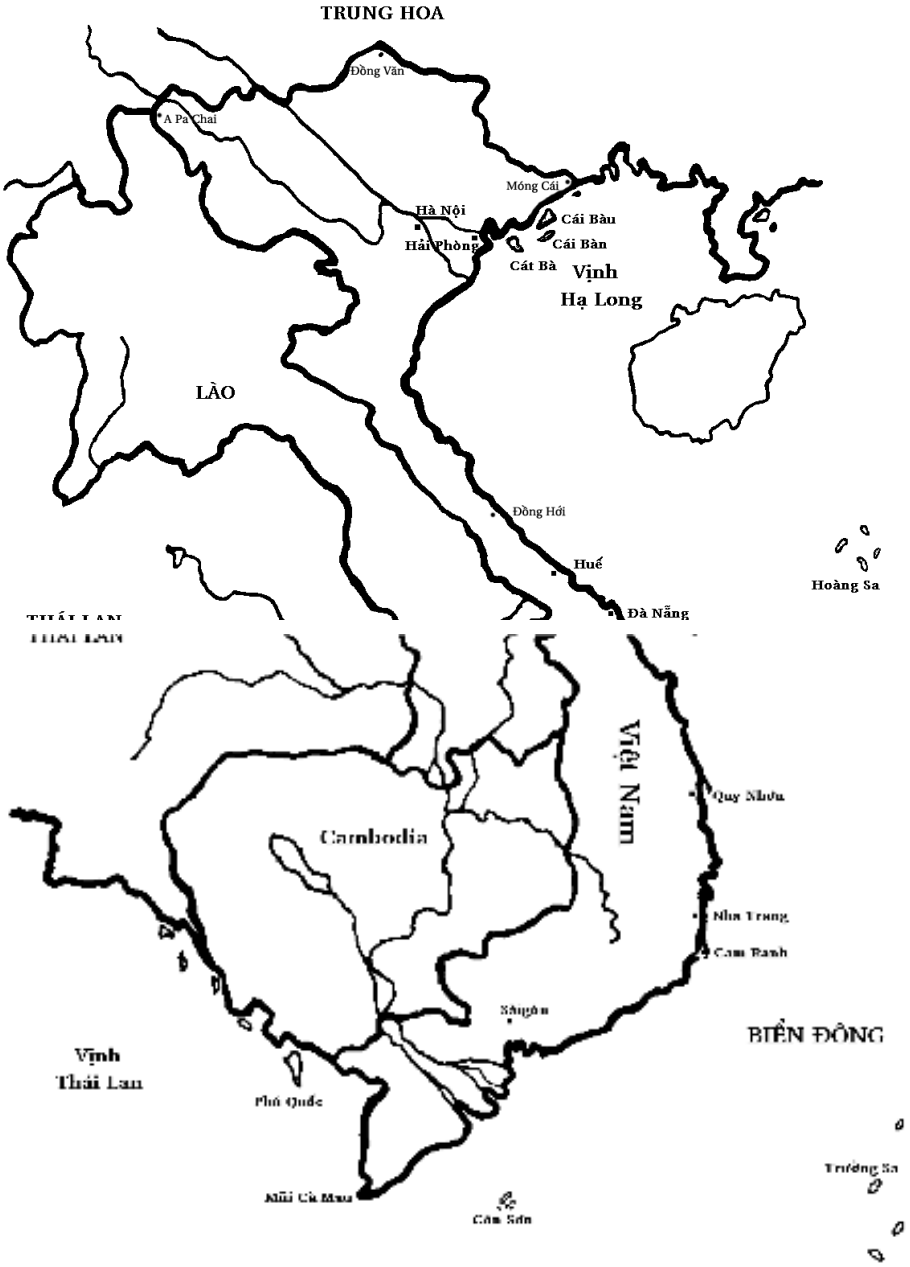

Lịch sử Việt Nam

Lãnh thổ Việt Nam qua các triều đại

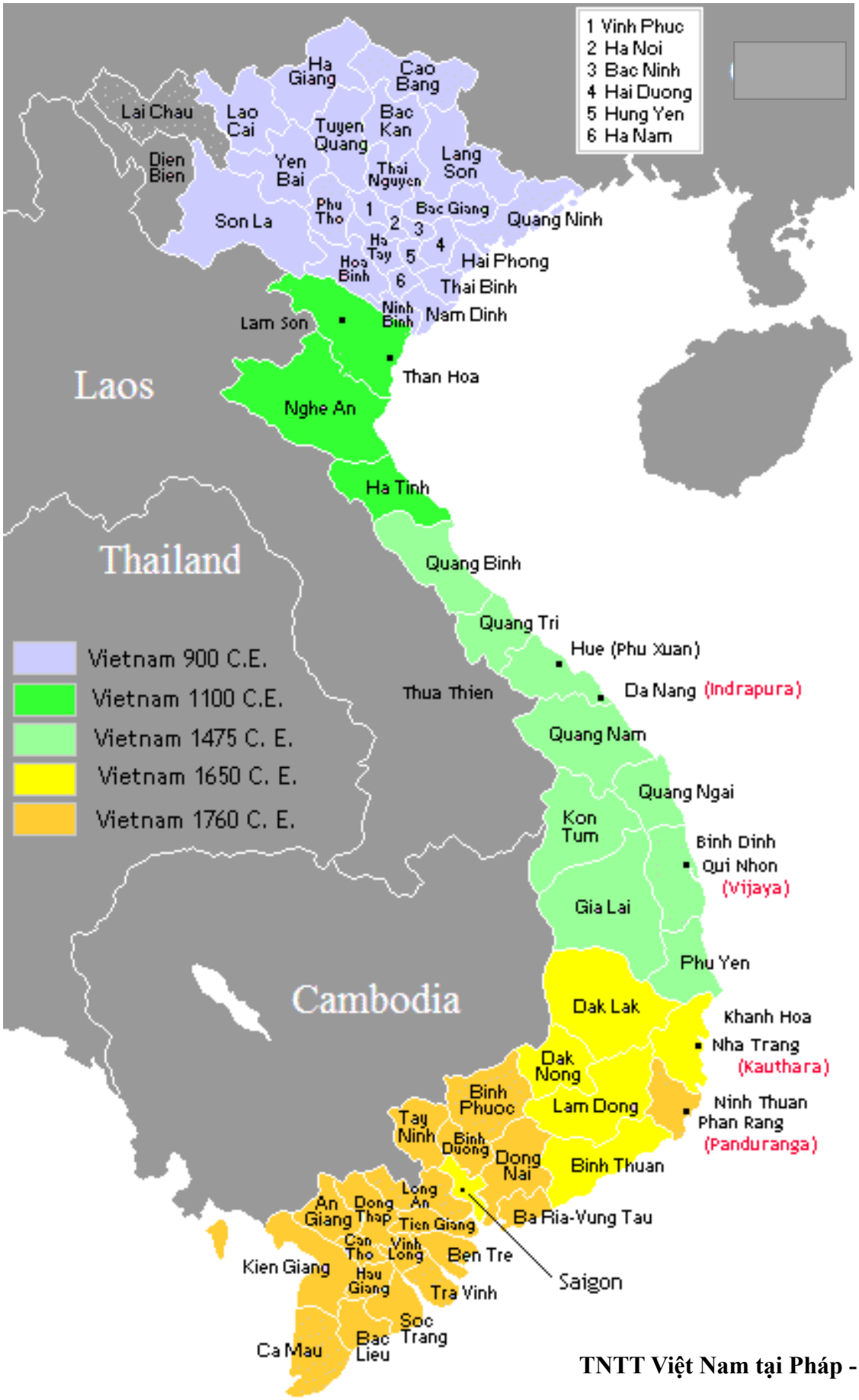

Niên biểu lịch sử Việt Nam

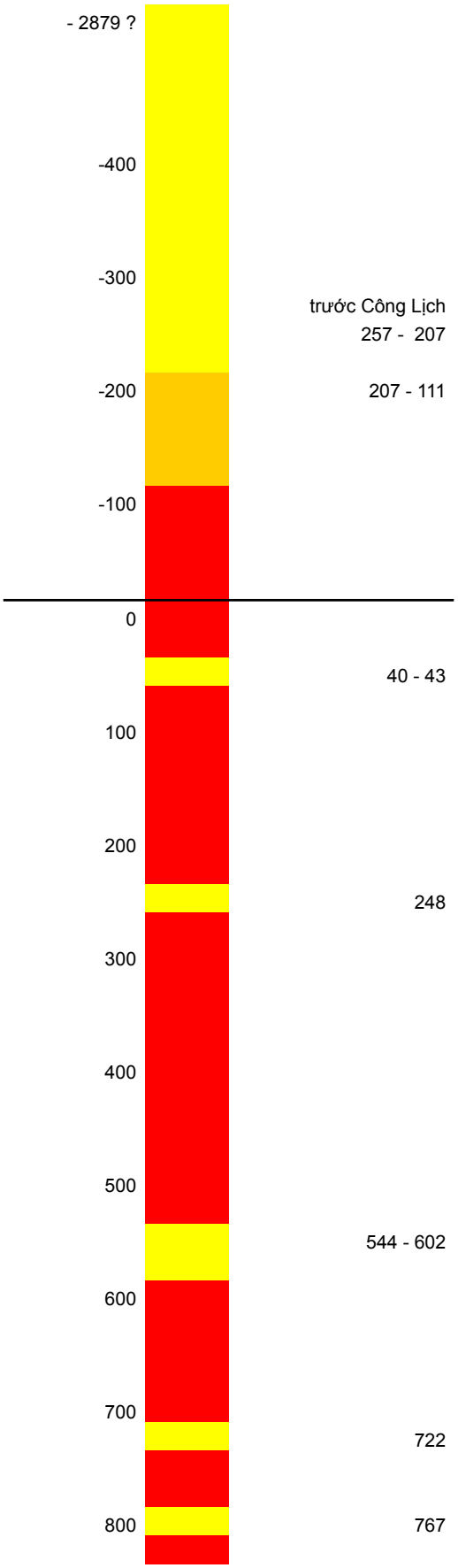

	Hùng Vương	nước Văn Lang
trước Công Lịch 257 - 207	An Dương Vương	nước Âu Lạc
207 - 111	Triệu Đà	nước Nam Việt
	Bắc thuộc	
40 - 43	Hai Bà Trưng	đóng đô tại Mê Linh
	Bắc thuộc	
248	Bà Triệu	
	Bắc thuộc	
544 - 602	Nhà Tiền Lý	nước Vạn Xuân
	Bắc thuộc	
722	Mai Hắc Đế	
767	Phùng Hưng	

Bắc thuộc

		Bắc thuộc	
900			
	939	Ngô Quyền	
	968	Đinh Tiên Hoàng	Đại Cồ Việt
	980	Nhà Tiền Lê	
1000	1010 - 1225	Nhà Hậu Lý	Đại Việt
1100			
1200			
	1225 - 1413	Nhà Trần	
1300			
1400	1400 - 1407	Nhà Hồ	
		Nhà Minh xâm lăng Đại Việt	
	1428	Nhà Hậu Lê	
1500			
	1527	Nhà Mạc	
1600	1592	Trịnh Nguyễn phân tranh	
1700			
	1778	Nhà Tây Sơn	
1800	1802	Nhà Nguyễn	Việt Nam
1900	1884	Pháp thuộc	
	1945	Việt Nam độc lập	
	1954	Hiệp định Genève	
2000	1975	Chiến tranh Việt Nam chấm dứt	

Các vua Nhà Nguyễn trước thời Pháp Thuộc
(1802-1884)

Sau nhiều lần bị đánh bại bởi anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh phải chạy sang nước Xiêm La (Thái Lan) nhờ vua Xiêm, sau đó nhờ các ***cố đạo*** người Pháp giúp đỡ về quân sự. Lần trở về sau cùng khi Nguyễn Huệ đã mất, Nguyễn Ánh đã thắng được anh em nhà Tây Sơn và thống nhất đất nước.

Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy hiệu là Gia Long, đóng đô ở Huế và đổi tên nước là **Việt Nam**. Vua Gia Long lo ***chỉnh đốn*** lại đất nước sau hơn 275 năm nội chiến Nam Bắc phân tranh (1528-1802).

Các triều đại nhà Nguyễn từ vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị đến Tự Đức vẫn lấy triều đình Mãn Thanh bên Tàu làm mẫu mực kể từ việc xây cất cung điện, ***lăng tẩm*** cho đến văn chương và luật pháp nên dần dần xa cách với quần chúng. Về ngoại giao, thì ngoài việc ***triều cống*** nước Tàu, triều đình nhà Nguyễn không cho người nước ngoài vào buôn bán nên nền thương mại trong nước đã không phát triển như các nước Thái Lan, Nhật Bản. Những kĩ thuật về quân sự, tàu bè, xe lửa ... nước ta không theo kịp đà tiến hóa của các nước Tây phương.

Dưới thời các vua Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức, lệnh cấm đạo được ban hành. Thêm nữa, dân chúng đói khổ và nhiều cuộc nổi dậy chống lại triều đình do ***sưu cao thuế nặng*** để xây cất lăng tẩm, cung điện. Nhà Nguyễn chỉ biết đi dẹp loạn mà không tìm hiểu vì sao dân chúng làm loạn. Trong các cuộc nổi loạn, triều đình Huế nghi ngờ có sự tiếp tay của các nhà truyền giáo ngoại quốc và giáo dân trong nước. Đạo Thiên Chúa còn đem lại một luồng tư tưởng mới, tự do hơn so với chế độ phong kiến. Vì thế vua quan triều Nguyễn bắt giam và có khi xử chém những người theo đạo và truyền đạo nên đã đưa đến việc người Pháp lấy cớ xâm chiếm nước ta sau này.

Giải nghĩa:

- Cố đạo: *Linh mục đạo Thiên Chúa người nước ngoài.*
*- **Chỉnh đốn:** Sửa đổi, sắp xếp lại cho đúng theo phép tắc.*
- Lăng tẩm: *Chỗ chôn vua.*
- Triều cống: *Nước chư hầu đem phẩm vật nộp cho nước mà mình thần phục.*
- Sưu cao thuế nặng: *Bị bắt buộc đóng góp tiền hơn số lợi tức mình có.*
- Nhà truyền giáo: *Người đi truyền bá tôn giáo.*

Câu hỏi để đối thoại:

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:
1- Sau khi lên ngôi, các vua triều Nguyễn làm gì?
2- Hãy kể về việc ngoại giao trong thời điểm này?
3- Vì sao dân chúng lại nổi loạn trong thời điểm này?
4- Tại sao triều đình Nguyễn ngăn cấm dân chúng theo đạo Thiên Chúa?

Việt Nam 70 năm lệ thuộc thực dân Pháp (1884-1954)

Từ vua Gia Long, triều đại nhà Nguyễn trị vì liên tiếp trong 153 năm (1802 - 1954).

Những vị vua đầu đời nhà Nguyễn là Gia Long, Minh Mạng, và Thiệu Trị thật sự nắm vận mệnh đất nước. Kế đến là vua Tự Đức ra lệnh cấm đạo Thiên Chúa, giết một số giáo sĩ ngoại quốc trong đó có cố đạo người Pháp. Đang muốn mở rộng ảnh hưởng của họ trên hoàn cầu, mượn cớ này, quân Pháp xâm chiếm Việt Nam làm thuộc địa. Sau đó các vua Việt đều do nước Pháp lập nên, hoàn toàn không có chủ quyền.

Trong 70 năm lệ thuộc (1884 -1954), các sĩ phu, người dân yêu nước đã cùng vua quan nhiều lần tìm cách đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi bờ cõi.

Sau đây là những biến cố quan trọng trong thời kì chống Pháp, theo thứ tự thời gian:

- Ngày 1 tháng 9 năm 1857, Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng.
- Năm 1861, Pháp chiếm Gia Định.
- Hoà ước Nhâm Tuất, ký ngày 5-6-1862, nhượng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Biên Hoà, Định Tường) cho Pháp.

* Từ tháng 2 năm 1863, hưởng ứng lời kêu gọi chống Pháp nhiều anh hùng đã nổi lên như: ông Trương Định ở Gò Công, Nguyễn Trung Trực ở vùng Tân An và Rạch Giá, ông Thủ Khoa Huân ở vùng Hậu Giang (Mỹ Tho, Rạch Gầm, Cai Lậy ...), ông Võ Duy Dương ở Đồng Tháp Mười.

- Năm 1867, Pháp chiếm thêm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên). Tự trách mình không bảo toàn được lãnh thổ, Phan Thanh Giản tuyệt thực 8 ngày rồi uống thuốc độc tự vẫn.
- Tháng 10 năm 1873, quân Pháp chiếm thành Hà Nội. Tổng đốc Nguyễn Tri Phương quyết chiến giữ thành, ông bị trọng thương, rồi mất sau gần 1 tháng tuyệt thực.
- Năm 1874, với hoà ước Giáp Tuất 6 tỉnh Nam Kỳ chính thức trở thành thuộc địa của Pháp.
- Tháng 4 năm 1882, quân Pháp tấn công thành Hà Nội lần thứ hai. Tổng đốc Hoàng Diệu đốc thúc quân sĩ quyết chiến. Cuối cùng, không chống nổi quân Pháp, ông bèn thắt cổ tự vẫn.
- Ngày 6 tháng 6 năm **1884**, triều đình Huế ký hoà ước Giáp Thân, còn gọi là hoà ước Patenôtre, công nhận quyền bảo hộ của Pháp trên Bắc Kỳ và Trung Kỳ. <u>Thời điểm này mở đầu giai đoạn Pháp đô hộ Việt Nam.</u>

* Tháng 7 năm 1885, vua Hàm Nghi và ông Tôn Thất Thuyết tổ chức đánh phủ khâm sứ Pháp ở Huế nhưng thất bại. Hưởng ứng hịch Cần Vương nhiều cuộc khởi nghĩa đã nổi lên như: Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế, Đinh Công Tráng ở Ba Đình, Phan Đình Phùng ở Nghệ Tĩnh (kéo dài đến năm 1895), Mai Xuân Thưởng ở Bình Định ...

* Những năm sau đó còn rất nhiều nhà ái quốc khác đã hi sinh tính mạng để cứu vãn nền độc lập cho nước Việt Nam nhưng không thành như: liệt sĩ Trần Cao Vân (bị chém năm 1916), Thái Phiên (bị chém năm 1916), Phạm Hồng Thái (tuẫn tiết năm 1918), Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí bị chém ở Yên Bái năm 1930 v.v.....

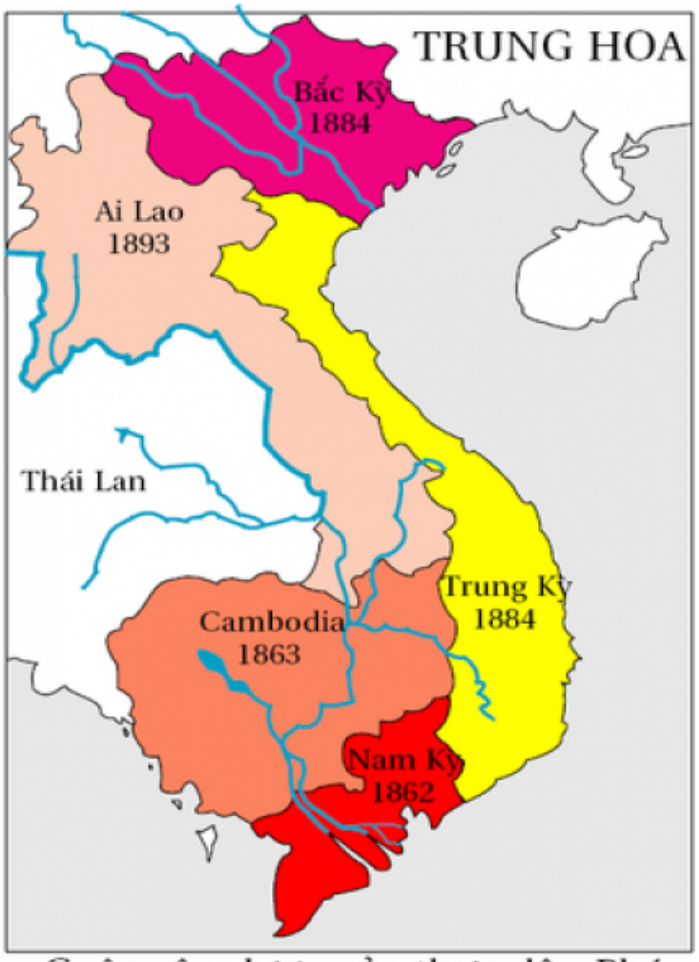

Cuộc xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương vào thế kỷ 19

Hoà ước Nhâm Tuất, ký ngày 5-6-1862, nhượng ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Biên Hoà, Định Tường) cho Pháp.

Năm 1867, Pháp chiếm thêm 3 tỉnh miền Tây Nam Kỳ (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên).

Năm 1874, với hoà ước Giáp Tuất 6 tỉnh Nam Kỳ chính thức trở thành thuộc địa của Pháp

Hoà ước Giáp Thân, còn gọi là hoà ước Patenôtre ký ngày 6-6-1884 đặt quyền bảo hộ của Pháp trên Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

Câu hỏi để đối thoại :

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

1- Nhà Nguyễn trị vì được bao nhiêu năm ? Thời gian nhà Nguyễn trị vì có thể được chia thành mấy giai đoạn ? Kể ra ?
2- Những nguyên nhân nào khiến quân Pháp xâm chiếm nước Việt Nam ?
3- Kể một vài cuộc khởi nghĩa chống Pháp mà em đã học ?

Thế phả nhà Nguyễn(1802 – 1945)

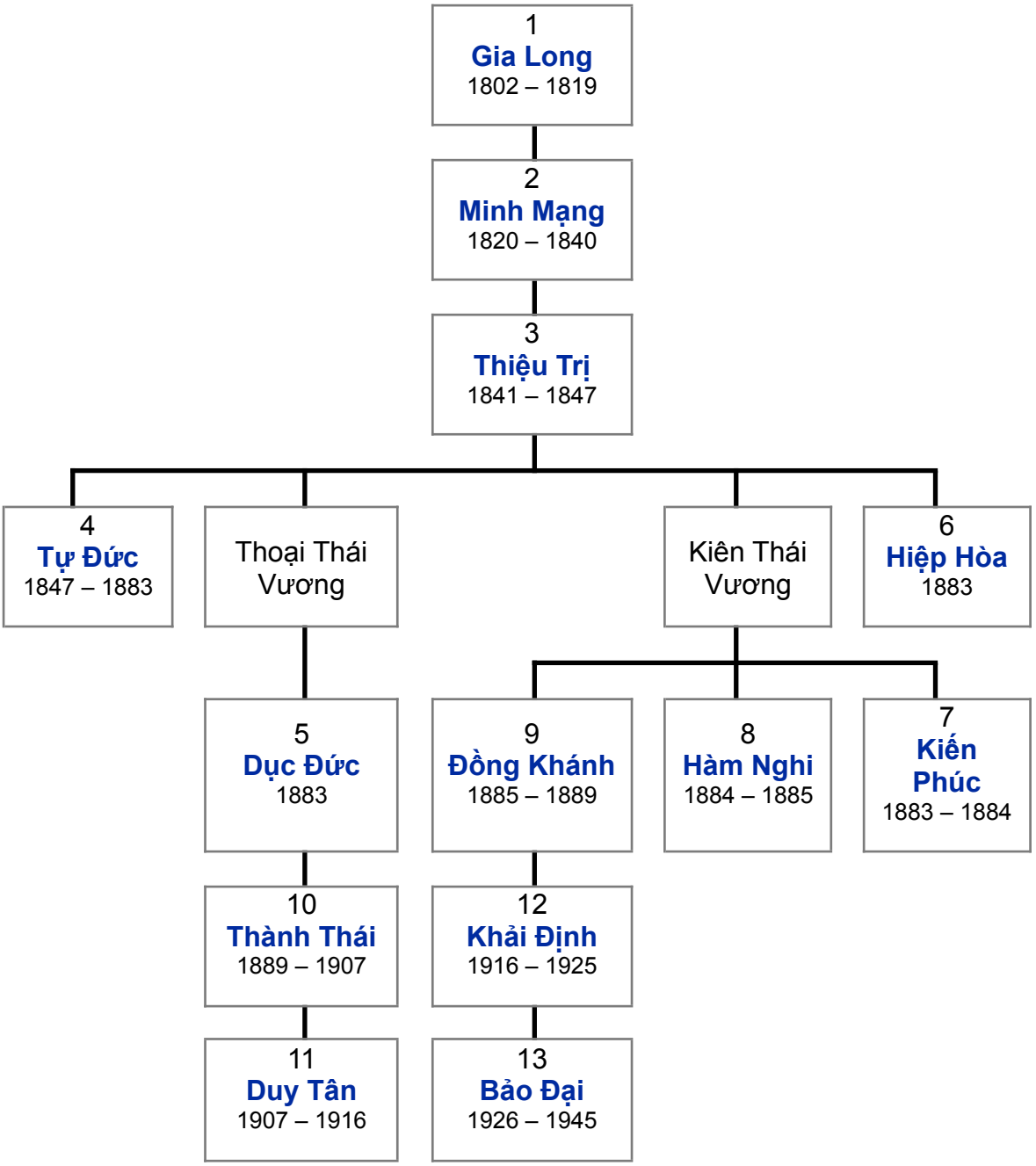

 2 - Minh Mạng 1820 - 1840	3 – Thiệu Trị 1841 - 1847	 4 - Tự Đức 1847 - 1883
3 – Dục Đức 1883	 6 – Hiệp Hòa 1883	 7 – Kiến Phúc 1883 - 1884
 8 - Hàm Nghi 1884 - 1885	 9 – Đồng Khánh 1885 - 1889	 10 - Thành Thái 1889 - 1907

11 - Duy Tân 1907 - 1916	12 - Khải Định 1916 - 1925	13 - Bảo Đại 1926 - 1945

Vua Hàm Nghi & chiếu Cần Vương

Hàm Nghi, vị vua thứ 8 của nhà Nguyễn, cùng với các vua Thành Thái, Duy Tân là ba vị vua yêu nước trong thời kỳ Pháp thuộc.

Là em trai của vua Kiến Phúc, năm 1884, Hàm Nghi được các phụ chính đại thần Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết, là những người chủ trương chống Pháp, đưa lên ngôi khi ông 13 tuổi.

Đêm 4 rạng 5-7-1885, Tôn Thất Thuyết và Trần Xuân Soạn nổ súng đánh úp đồn Mang Cá. Quân Pháp mất 4 sĩ quan và trên 60 lính. Nhưng do sự chuẩn bị chưa đầy đủ nên khi quân Pháp phản công, quân ta bị động, thiệt hại rất lớn. Tôn Thất Thuyết phải đưa xa giá vua Hàm Nghi rời kinh thành, đi ra Quảng Trị mà từ lâu ông đã cho chuẩn bị cơ sở.

Ngày 13-7-1885, Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương lần thứ nhất, nêu lại sự kiện "sự biến Kinh thành", hô hào dân chúng phò vua cứu nước. (Cần Vương có nghĩa là « giúp vua »). Ngày 19-9-1885, khi Pháp vội vã đưa Đồng Khánh lên làm vua bù nhìn ở Huế, Hàm Nghi xuống chiếu lần thứ hai, vạch trần âm mưu của Pháp, cảnh cáo thế lực đầu hàng của Đồng Khánh và nêu cao tính chính thống, chính nghĩa của mình.

Năm 1888 vua Hàm Nghi bị Pháp bắt và bị đem an trí ở Alger (thủ đô nước Algérie). Ông qua đời tại Alger năm 1943 vì bệnh ung thư dạ dày.

Hưởng ứng chiếu Cần Vương, nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp bùng nổ khắp đất nước.

Cuộc khởi nghĩa lớn nhất, kéo dài suốt thời Cần Vương là khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh) do Phan Đình Phùng lãnh đạo, đã phát huy được tinh thần đoàn kết, sự ủng hộ của người dân ở miền xuôi lẫn miền ngược, cả về nhân lực lẫn của cải vật chất.

Về quân sự, nghĩa quân được tổ chức theo lối chính qui, có kỉ luật nghiêm minh và cùng kiểu trang phục, biết sử dụng các phương thức tác chiến linh hoạt, phong phú, biết phát huy tính chủ động, sáng tạo khi giáp trận. Trong đội ngũ đã có sự tổ chức, quân lính được huấn luyện chu đáo và trang bị khá đầy đủ. Phó tướng Cao Thắng, hy sinh lúc mới 30 tuổi, là người có tài chế súng theo kiểu của Pháp. Trong một cuộc giao tranh ác liệt cuối năm 1895, Phan Đình Phùng bị trọng thương và hi sinh vì nước. Cuộc khởi nghĩa Hương Khê kéo dài suốt mười năm (1885 – 1895) đã gây cho quân Pháp nhiều tổn thất và khiến họ phải hết sức khâm phục.

Vua Hàm Nghi

Phan Đình Phùng

Vua Duy Tân

Năm 1888, Đồng Khánh mất, Pháp đưa Thành Thái 10 tuổi, kế vị. Lớn lên Thành Thái tỏ ý tự lập, và thường phản đối chính phủ Pháp. Vì bị Pháp kiểm soát chặt chẽ từng hành động, Thành Thái làm ra vẻ mất trí để ngụy trang. Năm 1907, Pháp lấy cớ nhà vua bị điên, buộc các quan trong triều dâng biểu yêu cầu vua từ chức.

Con vua Thành Thái là Nguyễn Phúc Vĩnh San được đưa lên ngôi khi mới 8 tuổi, lấy hiệu là Duy Tân.

Vua Duy Tân thông minh và có chí khí. Năm 1908, ở Trung Kỳ dân chúng đấu tranh « chống đi phu, đòi giảm sưu thuế » ; lúc đó nhà vua mới 9 tuổi, mà đã phán với đình thần rằng: *"Nếu trong nước hay có loạn là vì nhân dân bị thiếu thốn. Từ nay sắp tới, lương bổng của ta 500$ một tháng, ta chỉ lãnh 200$ thôi, giao cho các thầy 300$ đem giúp đỡ những kẻ nghèo khó"*.

Có lần nhà vua thiếu niên từ bãi tắm Cửa Tùng lên (hàng năm ông hay ra đây nghỉ mát), tay chân dính cát. Thị vệ bưng chậu nước cho vua rửa. Duy Tân vừa rửa vừa hỏi:
"Khi tay bẩn thì lấy nước mà rửa, khi nước bẩn thì lấy chi mà rửa ?"
Người thị vệ chưa biết trả lời ra sao thì vua Duy Tân nói tiếp :
"Nước bẩn thì phải tìm cách trừ khử những chất ngoại lai lẫn vào trong đó, hiểu không ?"

Duy Tân dần dần khẳng định thái độ bất hợp tác với Pháp. Năm 1916, ông bí mật liên lạc với các lãnh tụ Việt Nam Quang Phục hội như Thái Phiên, Trần Cao Vân dự định khởi nghĩa. Kế hoạch thất bại, Duy Tân bị Pháp bắt ngày 6/5. Đến ngày 3/11/1916, ông bị lưu đày trên đảo Réunion ở Ấn Độ Dương.

Ngày 26/12/1945, ông mất vì tai nạn máy bay ở Cộng hòa Trung Phi, hưởng dương 45 tuổi. Ngày 24/4/1987, thi hài ông được đưa từ đảo Réunion về Việt Nam, rồi đưa về an táng tại An Lăng, Huế cạnh lăng mộ vua cha Thành Thái.

Vua Duy Tân trong thời gian ở đảo Réunion - Ảnh tư liệu

Phan Bội Châu và phong trào Đông Du

Phan Bội Châu sinh năm 1867 tại Nghệ An. Ông nổi tiếng thông minh từ bé, năm 6 tuổi đã thuộc hết *Tam Tự Kinh*[1], 7 tuổi ông đã đọc hiểu sách *Luận Ngữ*[2], 13 tuổi ông thi đỗ đầu huyện. Năm 1900, ông đậu Giải Nguyên [3] khoa thi hương ở trường Nghệ An.

Lớn lên trong thời Việt Nam bị Pháp thuộc, Phan Bội Châu đã sớm có lòng yêu nước. Năm 17 tuổi, ông viết bài *"Hịch Bình Tây Thu Bắc"* kêu gọi dân làng hưởng ứng việc Bắc Kỳ khởi nghĩa kháng Pháp. Năm 19 tuổi, ông lập đội "Sĩ tử Cần Vương" [4], tụ họp được hơn 60 người, nhưng bị đối phương kéo tới khủng bố nên phải giải tán.

Năm 1904, ông cùng khoảng 20 đồng chí thành lập Duy Tân hội ở Quảng Nam với mục đánh đuổi Pháp, chọn Kỳ Ngoại hầu Cường Để - một người thuộc dòng dõi nhà Nguyễn - làm hội chủ.

Là người thông minh, sáng suốt và có ý thức chính trị cao, Phan Bội Châu đã sớm nhìn ra chủ trương « ngu dân » [5] và chính sách « chia để trị » [6] của thực dân Pháp. Ông hiểu rằng cần phải vượt ra ngoài sự kìm kẹp của Pháp, kể cả trên phương diện tư tưởng, thì mới tìm ra đường cứu nước.

Tại Nhật Bản, nhờ cải cách của Minh Trị Thiên Hoàng (lên ngôi năm 1868) chỉ sau vài thập niên, nước này đã vươn lên hàng ngũ các cường quốc trên thế giới. Nhật đánh bại Nga năm 1905 đã chứng minh điều đó.

Năm 1905, Phan Bội Châu sang Trung Quốc rồi qua Nhật Bản, để cầu viện Nhật giúp Duy Tân hội đánh Pháp. Tại Nhật, ông viết *« Việt Nam Vong Quốc Sử »*, để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Tháng 6 năm 1905, ông mang sách này về nước phổ biến.

Tháng 8 năm 1905, tại Hà Tĩnh, Duy Tân hội quyết định phát động phong trào **Đông Du**[7]:chọn một số thanh niên thông minh hiếu học, chịu được gian khổ, đưa đi học ở nước ngoài. Phong trào Đông Du được đông đảo dân cả ba kỳ tham gia và ủng hộ, nhất là ở Nam Kỳ.

Tháng 10 năm 1905, Phan Bội Châu trở lại Nhật Bản cùng với ba thanh niên, sau đó lại có thêm 45 người nữa. Năm 1906, Cường Để qua Nhật, được bố trí vào học trường Chấn Võ. Tại trường *Chấn Võ* và *Đông Á Đồng Văn thư viện*, lưu học sinh Việt Nam được phiên chế vào các ban ngành chuyên môn. Buổi sáng học văn hóa, buổi chiều học các tri thức quân sự và luyện tập ở thao trường.

Kể từ đó cho đến năm 1908, số học sinh sang Nhật Bản du học lên tới khoảng 200 người, sinh hoạt chung trong một tổ chức có quy củ gọi là *Cống hiến hội*...

Tháng 9 năm 1908, Pháp và Nhật ký với nhau một hiệp ước, theo đó Pháp cho Nhật vào Việt Nam buôn bán; đổi lại, Nhật sẽ không cho các nhà cách mạng và lưu học sinh Việt Nam ở Nhật nữa.

Tháng 3 năm 1909, Cường Để và Phan Bội Châu cũng bị trục xuất. Đến đây, phong trào Đông Du hoàn toàn tan rã.

Phan Bội Châu (ngồi)Cường Để (đứng) tại Nhật Bản

Chú thích :

1- Tam Thiên Tự : sách được dùng để dạy học cho học sinh mới bắt đầu học chữ Hán. Nội dung cuốn sách hơn 1000 chữ, bố trí ba chữ một câu có vần.

2- Luận Ngữ là sách sưu tập ghi chép lại những lời dạy của Khổng Tử.

3- Giải Nguyên là người đậu đầu trong kỳ thi Hương.

4- Cần Vương : có nghĩa là « giúp vua », là phong trào do vua Hàm Nghi phát động năm 1885, kêu gọi quần chúng nổi lên đánh đuổi Pháp.Nhiều cuộc khởi nghĩa hưởng ứng lời kêu gọi của vua Hàm Nghi, đáng kể nhất là :
- Khởi nghĩa Hương Khê (1885-1895) của Phan Đình Phùng, Cao Thắng ở Hà Tĩnh.
- Khởi nghĩa của Nguyễn Xuân Ôn ở Nghệ An.
- Khởi nghĩa Ba Đình (1886-1887) của Đinh Công Tráng, Phạm Bành ở Nga Sơn, Thanh Hóa.
- Khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định.
- Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1886-1892) của Tống Duy Tân ởThanh Hóa.
- Khởi nghĩa Bãi Sậy (1885-1889) của Nguyễn Thiện Thuật ở Hưng Yên.

5- Ngu dân : thực dân Pháp không mở mang dân trí cho người Việt. Họ chỉ mở một ít trường đào tạo một số thông dịch viên và rất ít chuyên viên để làm việc trong guồng máy đô hộ của Pháp. Những lý tưởng về tự do dân chủ, những tiến bộ về khoa học kỹ thuật, người Việt không được biết đến.

6- Chia để trị : Pháp chia Việt Nam thành 3 phần, với 3 chế độ khác nhau :
- Bắc Kỳ (Le Tonkin) : xứ bảo hộ,
- Trung Kỳ (L'Annam) : trú sứ,
- Nam Kỳ (La Cochinchine) : thuộc địa.

Trên thực tế, cả 3 miền đều là thuộc địa của Pháp, hợp với Ai Lao và Campuchia thành Liên Bang Đông Dương (Indochine), đứng đầu là quan Toàn Quyền Pháp.

7- Đông Du : gọi tắt của « Du học phía Đông », vì nước Nhật Bản ở phía Đông nước Việt Nam. Cũng có thể hiểu là du học văn minh Đông Phương, để lật đổ thống trị của Tây Phương.

BÀI THAM KHẢO

Phan Bội Châu(潘佩珠), tên thật là Phan Văn San (潘文珊), tự là Hải Thu, bút hiệu là Sào Nam (巢南), Thị Hán (是漢), Độc Tỉnh Tử, Việt Điểu, Hãn Mãn Tử, v.v..

Phan Bội Châu sinh ngày 26 tháng 12 năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Cha ông là Phan Văn Phổ, mẹ là Nguyễn Thị Nhàn. Ông nổi tiếng thông minh từ bé, năm 6 tuổi học 3 ngày thuộc hết *Tam Tự Kinh*, 7 tuổi ông đã đọc hiểu sách *Luận Ngữ*, 13 tuổi ông thi đỗ đầu huyện.

Thuở thiếu thời ông đã sớm có lòng yêu nước. Năm 17 tuổi, ông viết bài "Hịch Bình Tây Thu Bắc" đem dán ở cây đa đầu làng để hưởng ứng việc Bắc Kỳ khởi nghĩa kháng Pháp. Năm 19 tuổi (1885), ông cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội "Sĩ tử Cần Vương" (hơn 60 người) chống Pháp, nhưng bị đối phương kéo tới khủng bố nên phải giải tán.

Gia cảnh khó khăn, ông đi dạy học kiếm sống và học thi, nhưng thi suốt 10 năm không đỗ, lại can tội *hoài hiệp văn tự* (mang văn tự trong áo) nên bị kết án *chung thân bất đắc ứng thí* (suối đời không được dự thi).

Năm 1896, Phan Bội Châu vào Huế dạy học, do mến tài ông nên các quan đã xin vua Thành Thái xóa án. Nhờ vậy, ông được dự khoa thi hương năm Canh Tý (1900) ở trường Nghệ An và đậu Giải nguyên.

Lập Duy Tân hội, sang Nhật cầu viện

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ Giải nguyên, Phan Bội Châu bôn ba khắp nước Việt Nam kết giao với các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoành, Lê Đại,...

Năm 1904, ông cùng Nguyễn Hàm và khoảng 20 đồng chí khác thành lập Duy Tân hội ở Quảng Nam để đánh đuổi Pháp, chọn Kỳ Ngoại hầu Cường Để - một người thuộc dòng dõi nhà Nguyễn - làm hội chủ.

Năm 1905, ông cùng Đặng Tử Kính và Tăng Bạt Hổ sang Trung Quốc rồi sang Nhật Bản, để cầu viện Nhật giúp Duy Tân hội đánh đuổi Pháp. Tại Nhật, ông gặp Lương Khải Siêu, một nhà cách mạng người Trung Quốc, và được khuyên là nên dùng thơ văn (nghe lời Phan Bội Châu viết Việt Nam vong quốc sử) để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam. Lại nghe hai nhân vật quan trọng của Đảng Tiến Bộ đang cầm quyền ở Nhật Bản, là Bá tước Ôi Trọng Tín (Okuma Shigenobu) và Thủ tướng Khuyển Dưỡng Nghị (Inukai Tsuyoshi) khuyên là nên cổ động thanh niên ra nước ngoài học tập để sau này về giúp nước.Tháng 6 năm 1905, Phan Bội Châu cùng Đặng Tử Kính mang theo một số sách *Việt Nam vong quốc sử* về nước.

Tháng 8 năm 1905 tại Hà Tĩnh, ông và các đồng chí nòng cốt trong Duy Tân hội bàn bạc rồi đưa ra kế hoạch hành động đó là:

- Nhanh chóng đưa Kỳ Ngoại hầu Cường Để ra nước ngoài.
- Lập các hội nông, hội buôn, hội học để tập hợp quần chúng và để có tài chánh cho hội.
- **Chọn một số thanh niên thông minh hiếu học, chịu được gian khổ, đưa đi học ở nước ngoài.**

Phát động phong trào Đông Du

Trong ba nhiệm vụ trên, thì nhiệm vụ thứ ba hết sức quan trọng và bí mật, nên Duy Tân hội đã cử Phan Bội Châu và Nguyễn Hàm tự định liệu. Sau đó, phong trào Đông Du được hai ông phát động, được đông đảo người dân ở cả ba kỳ tham gia và ủng hộ, nhất là ở Nam Kỳ.

Tháng 10 năm 1905, Phan Bội Châu trở lại Nhật Bản cùng với ba thanh niên, sau đó lại có thêm 45 người nữa. Năm 1906, Cường Để qua Nhật, được bố trí vào học trường Chấn Võ. Tại trường *Chấn Võ* và *Đông Á Đồng Văn thư viện*, lưu học sinh Việt Nam được phiên chế vào các ban ngành chuyên môn. Buổi sáng học văn hóa, buổi chiều học các tri thức quân sự và luyện tập ở thao trường.

Kể từ đó cho đến năm 1908, số học sinh sang Nhật Bản du học lên tới khoảng 200 người, sinh hoạt chung trong một tổ chức có quy củ gọi là *Cống hiến hội*...

Tháng 9 năm 1908, Pháp và Nhật vừa ký với nhau một hiệp ước, theo đó Pháp cho Nhật vào Việt Nam mua bán; đổi lại, Nhật sẽ không cho các nhà cách mạng và lưu học sinh Việt Nam ở Nhật nữa. Tháng 3 năm 1909, Cường Để và Phan Bội Châu cũng bị trục xuất. Đến đây, phong trào Đông Du hoàn toàn tan rã.

Cuối năm 1910, Phan Bội Châu chuyển một phần lớn hội viên (trong đó có khoảng 50 thanh niên) ở Quảng Đông về xây dựng căn cứ địa ở Bạn Thầm (Xiêm La). Tại đây, họ cùng nhau cày cấy, học tập và luyện tập võ nghệ để chuẩn bị cho một kế hoạch phục quốc sau này.

Thượng tuần tháng 5 năm Nhâm Tý (tháng 6 năm 1912), Duy Tân hội giải tán và thành lập **Việt Nam Quang phục Hội**, tức thay đổi tôn chỉ từ chủ nghĩa quân chủ sang chủ nghĩa dân chủ để *đánh đuổi quân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc kiến lập Việt Nam*, đáp ứng tình hình chuyển biến mới trên trường quốc tế.

Hoạt động ở Trung Quốc

Mặc dù thay đổi tôn chỉ, nhưng Phan Bội Châu vẫn duy trì Kỳ Ngoại hầu Cường Để trong vai trò chủ tịch chính phủ lâm thời Việt Nam Quang phục Hội, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân trong nước.

Sau đó, Việt Nam Quang phục Hội cử một số hội viên về nước để trừ khử một vài viên chức Pháp và cộng sự đắc lực của họ, nhằm "đánh thức đồng bào", "kêu gọi hồn nước". Các cuộc bạo động bằng tạc đạn tuy xảy ra lẻ tẻ, nhưng vẫn khuấy động được dư luận trong và ngoài nước, làm nhà cầm quyền Pháp tăng cường khủng bố, khiến nhiều người bị bắt và bị giết. Bị kết tội chủ mưu, Phan Bội Châu và Cường Để bị thực dân Pháp cùng với Nam triều kết án tử hình vắng mặt.

Năm 1913, thực dân Pháp cử người đến Quảng Đông “mặc cả” với Tổng đốc Long Tế Quang yêu cầu bắt Phan Bội Châu và các yếu nhân của hội. Ngày 24 tháng 12 năm 1913, Phan Bội Châu bị bắt. Nhưng nhờ Nguyễn Thượng Hiền lúc bấy giờ đang ở Bắc Kinh vận động, nên Long Tế Quang không thể giao nộp ông cho Pháp, mà chỉ đưa giam vào nhà tù Quảng Đông, mãi đến tháng 2 năm 1917, ông mới được giải thoát.

Ra tù, Phan Bội Châu lại tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1922, phỏng theo Quốc dân Đảng của Tôn Trung Sơn, ông cải tổ Việt Nam Quang phục Hội thành **Việt Nam Quốc dân Đảng**. Được Nguyễn Ái Quốc (lúc này đang làm Ủy viên Đông phương bộ, phụ trách Cục phương Nam của Quốc tế cộng sản) góp ý, Phan Bội Châu định thay đổi đường lối theo hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng chưa kịp cải tổ thì ông bị bắt cóc ngày 30 tháng 6 năm 1925.

Bị Pháp bắt và an trí

Ngày 30 tháng 6 năm 1925, ông bị thực dân Pháp bắt cóc tại Thượng Hải giải về nước xử án tù chung thân, mặc dù trước đó (1912) ông đã bị đối phương kết án vắng mặt. Trước phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước đòi thả Phan Bội Châu, và nhờ sự can thiệp của Toàn quyền Varenne, ông được về an trí tại Bến Ngự (Huế). Trong 15 năm cuối đời, ông (lúc bấy giờ được gọi là **Ông già Bến Ngự**) vẫn giữ trọn phẩm cách cao khiết, không ngừng tuyên truyền tinh thần yêu nước bằng văn thơ, nên rất được nhân dân yếu mến.

Phan Bội Châu mất ngày 29 tháng 12 năm 1940 tại Huế.

Vận mệnh đất nước buổi giao thời (1945 - 1954)

Đầu tháng 8 năm 1945, quân đội Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki nên nước Nhật đầu hàng khối Đồng Minh vào ngày 15-8-1945.

Nhân cơ hội này, người dân Việt ở Hà Nội bảo nhau đi ***biểu tình*** chống quân đội Nhật đang chiếm đóng trong thành phố để đòi Độc Lập, Tự Do, Dân Chủ đã bị mất vào tay Pháp rồi Nhật từ 71 năm (1874-1945). Đồng thời vua Bảo Đại cũng phải ***thoái vị*** để nhường quyền định đoạt vận mệnh quốc gia cho dân tộc Việt Nam.

Lợi dụng lòng yêu nước của toàn dân, đảng Cộng Sản Đông Dương (tên đảng Cộng Sản Việt Nam thời đó) vừa hô hào đấu tranh dành độc lập, vừa đàn áp và giết hại những người thuộc đảng phái khác không theo đường lối cộng sản quốc tế do Nga Sô lãnh đạo. Ngày 2-9-1945, Hồ Chí Minh đọc bản tuyên ngôn độc lập, chiếm đoạt quyền điều khiển đất nước về phe cộng sản.

Từ đó chiến tranh Việt Pháp bùng nổ trên toàn quốc và kết thúc vào năm 1954 với trận Điện Biên Phủ. Pháp thua trận và chấm dứt thời kì đô hộ Việt Nam nói riêng và **Đông Dương** nói chung. Đó là do công lao và hi sinh của cả nước vì nền độc lập, tự do, vẹn toàn lãnh thổ. Nhưng một lần nữa đảng Cộng Sản Việt Nam lại dành quyền đại diện dân Việt, kí kết với Pháp hiệp định Genève (Thụy Sĩ) vào ngày 20 tháng 7 năm 1954 « chia đôi đất nước » :

- Từ vĩ tuyến 17 (sông Bến Hải) trở ra Bắc do đảng cộng sản cầm quyền,
- Từ vĩ tuyến 17 về phía Nam thuộc chính thể tự do.

Đường ranh giới về quân sự tại vĩ tuyến 17 chỉ có tính chất tạm thời, không thể coi như là một biên giới về chính trị hoặc lãnh thổ, trong khi chờ đợi tổng tuyển cử thống nhất đất nước (dự định vào tháng 7 năm 1956).

Giải nghĩa :

- Đông Dương : *gồm 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia*
- Biểu tình: *Tụ họp hoặc diễn hành trên đường phố để đòi hỏi một nguyện vọng gì.*
- Thoái vị: *Từ bỏ ngôi vua.*
- Giải giới: *Tước khí giới.*

Câu hỏi để đối thoại :

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:

1- Hãy nói về tình hình Việt Nam sau năm 1945 ?
2- Vì sao người Pháp phải rời khỏi Việt Nam ?
3- Hiệp định Genève thỏa thuận điều gì?
4- Hãy nêu bằng chứng đảng cộng sản Việt Nam cai trị theo chế độ độc tài?

Một nước hai chính thể (1954 - 1975)

Kể từ ngày 20 tháng 7 năm 1954, nước Việt Nam có hai chính thể và lấy sông Bến Hải (vĩ tuyến 17) làm ranh giới tạm thời chia đôi đất nước. Trước khi chấm dứt sự qua lại giữa hai miền (trong vòng 300 ngày) đã có hơn một triệu người dân miền Bắc vào Nam tìm tự do. Miền Bắc theo chế độ cộng sản mang tên là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ Tịch. Miền Nam theo chế độ tự do mang tên là Việt Nam Cộng Hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng Thống.

Trong thời gian đầu, chính phủ của hai miền đều cố gắng tổ chức lại đất nước. Ngoài Bắc, chính quyền Cộng Sản dùng chính sách ***đấu tố vô nhân đạo*** để lấy ruộng của địa chủ chia cho nông dân. Trong Nam, thì chính quyền dùng chính sách mua lại ruộng của người giàu để chia cho người nghèo.

Chiến tranh lạnh giữa khối cộng sản và khối tự do diễn ra tại Việt Nam với bom đạn và chết chóc. Với sự giúp đỡ của khối cộng sản như Nga Sô, Trung Cộng, Tiệp Khắc, Ba Lan... chế độ Cộng Sản miền Bắc đã vi phạm liên tiếp hiệp định Genève bằng cách đưa người xâm nhập vào Nam, đến năm 1960 thì bắt đầu đánh phá các làng xã. Chính quyền miền Nam nhờ sự viện trợ của Hoa Kỳ và Đồng Minh đã chống trả lại bằng cách bảo vệ người dân và mảnh đất tự do.

Ngày 1-11-1963 Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng với sự tham gia của phần lớn các tướng lãnh trong quân đội lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm. Sau một thời gian bất ổn về chính trị, trung tướng Nguyễn Văn Thiệu thành lập một hội đồng quân lực để giữ gìn an ninh quốc gia và được đắc cử làm tổng thống sau một cuộc tổng tuyển cử ở miền Nam.

Năm 1972, hiệp định ngưng bắn được kí kết tại Paris với điều kiện là các nước tham chiến rời khỏi Việt Nam và cộng sản không được tiếp tục xâm chiếm miền Nam. Thế nhưng, lại một lần nữa Cộng Sản Việt Nam bất chấp hiệp định này đem quân cưỡng chiếm trọn miền Nam vào tháng 4 năm 1975.

Hàng trăm ngàn ***quân cán chính*** miền Nam bị giam ở các ***trại tập trung,*** nhiều người chết vì bị hành hạ, ***ngược đãi***, ***thiếu dinh dưỡng*** hoặc bệnh tật.

Hàng triệu người miền Nam liều chết rời bỏ đất nước ra đi và định cư khắp nơi trên thế giới. Không biết bao nhiêu người đã bỏ mình trên đường vượt thoát tìm tự do trên biển cả hay rừng sâu.

Giải nghĩa :

- Đấu tố: *Tố cáo, vạch tội thường đưa đến cái chết cho người bị đấu tố.* ***- Vô nhân đạo:*** *Dã man, không có tình người.* ***- Quân cán chính:*** *Những người đi lính, hoặc làm việc cho một chính phủ.* ***- Trại tập trung:*** *Trại tù trong các khu rừng thiêng nước độc.* ***- Ngược đãi:*** *Đối xử một cách nặng nề. -* ***Thiếu dinh dưỡng:*** *Thiếu ăn uống.*

Câu hỏi để đối thoại:

Thầy cô chia học sinh thành nhiều toán để trao đổi ý tưởng theo các câu hỏi sau:
1- Tại sao hơn một triệu người di cư từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam?
2- Hãy so sánh việc cải cách ruộng đất của hai miền Việt Nam?
3- Vì sao xảy ra chiến tranh giữa hai miền Nam Bắc Việt Nam?

Ôn lại lịch sử để hướng tới tương lai

Dương Trung Huy

Người xưa dạy ta phải làu thông kinh sử, không phải đê ôm lấy quá khứ mà hối tiếc, nhưng để rút ra những bài học từ lịch sử, mà định hướng cho tương lai.

Qua dòng lịch sử, ta có thể khẳng định rằng người Việt sống ở phía Nam vùng núi Ngũ Lĩnh từ gần 3 000 năm trước Công-nguyên có một văn hóa riêng, khác với người Hán ở phía Bắc. Dưới sự bành trướng của Trung Hoa, lãnh thổ của dân tộc Việt đã dân dần dời về phương Nam. Cha ông chúng ta đã không ngừng đấu tranh để bảo vệ lãnh thổ và sự sống còn của dân tộc.Nhờ vậy, sau gần một ngàn năm Bắc Thuộc, người Việt vẫn không bị đồng hoá bởi người Hán.

Đến thế kỉ X, những chiến thắng hiển hách của Ngô Quyền, Lê Đại Hành đã đập tan mộng bành trướng của phương Bắc. Bài thơ *« Nam Quốc Sơn Hà »* của Lý Thường Kiệt, cuối thế kỉ XI, được coi là bài tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta, khẳng định lãnh thỗ và quyền tự chủ của nước Đại Việt.

Vào thế kỉ XIII, quân Mông Cổ chiến thắng từ Á sang Âu mà đã 3 lần thất bại thảm thiết trên đất Việt. Đó không phải là chuyện ngẫu nhiên, mà chính là nhờ tinh thần yêu nước của dân Việt, trên dưới đoàn kết, đồng lòng quyết chí chống giặc ngoại xâm, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Trần Hưng Đạo.

Nhà Lý, nhà Trần đã mở ra một thờ đại vàng son cho nước Đại Việt thời bấy giời, hùng cứ phương nam, khiến Trung Hoa phải kiêng nể.

Nhưng khi vua chúa, quan lại chỉ nghĩ đến địa vị cá nhân mà không lo cho vận mệnh đất nước, chỉ tranh dành quyền lực mà không xây dựng hạnh phúc cho nhân dân, thì họamất nước không xa.Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần, khiến lòng dân không phục, khi quân Minh tràn sang thì không giữ được nước. Chúa Trịnh – chúa Nguyễn cùng mượn tiếng « phò Lê » mà gây nội chiến cả trăm năm, khiến đất nước tiêu điều, lại làm cớ cho giặc Thanh xâm lược. Nhưng *« càn khôn bỉ rồi lại thái, nhật nguyệt hối rồi lại minh »*. Lê Lợi chỉ 10 năm kháng chiến mà đuổi được quân Minh. Quang Trung chỉ động quân 3 tuần mà phá tan giặc Thanh.

Tiếc thay, sau khi thống nhất Việt Nam đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn đã « bế môn tỏa cảng », không biết noi gương Nhật Bản mà canh tân đất nước để bắt kịp trào lưu tiến bộ khoa học kĩ thuật Âu Tây. Đó là một trong những nguyên nhân đưa tới nạn Pháp thuộc kéo dài sáu mươi năm (1884 – 1945). Tiếp theo, Việt Nam trở thành bãi chiến trường của thời chiến tranh lạnh, đất nước bị chia đôi bởi những thế lực ngoại bang. Ba mươi năm chiến tranh (1945 – 1975), lại một lần nữa, không cho phép Việt Nam có cơ hội phát triển.

Ngày nay thì sao ?

Những người đang cầm vận mệnh quốc gia có biết bảo vệ lãnh thổ Việt Nam trước âm mưu xâm lấn của Trung Quốc trên biên giới Việt Trung, trên quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ? Có lo phát triển đất nước để mang lại ấm no hạnh phúc cho nhân dân ? Có đẩy mạnh giáo dục để nâng cao dân trí ? Có cải cách chính trị, xã hội để thật sự đi tới tự do, dân chủ ?

Đầu thế kỷ XX, phong trào Đông Du gởi thanh niên Việt Nam đi du học nước ngoài, ngỏ hầu thu thập những tư tưởng văn minh, những tiến bộ khoa học kĩ thuật đem về xây dựng đất nước. Ngày hôm nay, chúng ta là những người Việt tại hải ngoại, đã có

điều kiện học hỏi và đạt được trình độ dân trí của các nước đứng đầu thế giới, chúng ta có thể làm gì để giúp quê hương ?

10 Điều Tâm Niệm Thiếu Nhi

1 Thiếu Nhi mỗi sáng dâng ngày,
điểm tô đời sống hương bay nguyện cầu.

2 Thiếu Nhi Thánh Thể nhiệm mầu,
tôn sùng rước lễ, nhà chầu viếng thăm.

3 Thiếu Nhi Thánh Giá Chúa nằm,
nhìn lên phấn khởi chuyên cần hy sinh.

4 Thiếu Nhi nhờ Mẹ đinh ninh,
quyết làm gương sáng xứng danh tông đồ.

5 Thiếu Nhi mọi việc nhỏ to,
tinh thần vâng phục chuyên lo đậm đà.

6 Thiếu Nhi đằm thắm nết na,
nói năng hành động nõn nà trắng trong.

7 Thiếu Nhi bác ái một lòng,
tim luôn quảng đại mới mong giúp người.

8 Thiếu Nhi ngay thẳng trọn đời,
nói làm đúng mực người người tin yêu.

9 Thiếu Nhi dù khó trăm chiều,
chu toàn bổn phận mọi điều chăm chuyên.

10 Thiếu Nhi thực hiện hoa thiêng,
chép ghi mỗi tối cộng biên mỗi tuần.

Phong Trào Thiếu Nhi Thánh Thể Việt Nam tại Pháp
Đoàn Kitô Vua – Paris